

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của chính phủ.

### **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN ESSCOVINA TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG ESS -CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN ESSCOVINA**

- Trụ sở chính: Tầng lửng, số 55 Lê Trọng Tấn, P.Tân Sơn Nhì, Tp. HCM.
- Địa chỉ công bố: 27/1 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0876861818
- Mã số thuế: 0317522069-002
- Do Ông: Nguyễn Khương Duy Chức vụ: Giám Đốc làm đại diện;  
đã tiến hành đo quan trắc Môi trường lao động tại:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

- Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Địa chỉ đo: Các đơn vị CHXD trực thuộc PVOIL Phú Yên trên địa bàn các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định, Gia Lai và Đắk Lắk
- Ngày 16 tháng 06 năm 2026.

#### **• PHƯƠNG PHÁP:**

- Đo các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc, điện từ trường tại các vị trí làm việc theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao động và Vệ sinh Môi trường.

#### **• THIẾT BỊ ĐO:**

- Máy đo vi khí hậu TENMARS TM-188D
- Máy đo tốc độ gió LUTRON LM-8000A
- Máy đo ánh sáng TENMARS TM-201
- Máy đo độ ồn BSWA 309
- Máy đo bụi TEMTOP PMD-351
- Máy đo điện từ trường TENMARS TM-190
- Máy đo khí CO<sub>2</sub> SNDWAY SW-723
- Máy đo đa khí Borsean K-600M
- Máy đo đa khí BH-4A

- Máy đo đa khí Temtop LKC-1000S
- Máy đo rung SENSECA HD 2070
- Ống phát hiện nhanh
- Thước 5m

• **Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại** đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm: vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc, điện từ trường.

Qua rà soát quy trình công nghệ, nguyên vật liệu và các chất được sử dụng trong quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, đề nghị bổ sung việc quan trắc các yếu tố có hại sau (các yếu tố có hại này đề nghị bổ sung vào Hồ sơ vệ sinh lao động): Không có.

Lý do đề xuất: theo yêu cầu của đơn vị.

• **TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:**

- QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 25:2016/BYT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- TCVN 5508:2009: Không khí vùng làm việc – Yêu cầu về điều kiện vi khí hậu và phương pháp đo.
- QCVN 02: 2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Tiêu chuẩn Vệ sinh Lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

## I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

Thời điểm quan trắc: Ngày 16/06/2026

Ngoài trời: nhiệt độ: 33,0 °C; độ ẩm: 70 %; tốc độ gió 1 – 3 m/s.

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                          | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                        | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b> |                        | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                          | 18 – 32                  |                        | 40 – 80              |                        | 0,2 – 1,5                   |                        |
| STT                                                                                                                    | Vị trí quan trắc                                                         | Số mẫu<br>đạt            | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt        | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt               | Số mẫu<br>không<br>đạt |
|                                                                                                                        | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                                      |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
|                                                                                                                        | <b>Văn phòng công ty (157-159<br/>Hùng Vương, phường Tuy Hòa)</b>        |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
|                                                                                                                        | <b>Tầng 1</b>                                                            |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 1                                                                                                                      | Phòng Tổ chức                                                            | 27,9                     |                        | 49,3                 |                        | 0,25                        |                        |
| 2                                                                                                                      | Phòng Lái xe- Tập vụ                                                     | 27,5                     |                        | 61,8                 |                        | 0,22                        |                        |
|                                                                                                                        | <b>Tầng 2</b>                                                            |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 3                                                                                                                      | Phòng Kỹ thuật                                                           | 28,5                     |                        | 64,4                 |                        | 0,23                        |                        |
| 4                                                                                                                      | Phòng Phó Giám Đốc                                                       | 28,3                     |                        | 44,6                 |                        | 0,25                        |                        |
| 5                                                                                                                      | Phòng Giám Đốc                                                           | 27,9                     |                        | 43,5                 |                        | 0,22                        |                        |
| 6                                                                                                                      | Phòng Kinh doanh                                                         | 28,0                     |                        | 51,2                 |                        | 0,28                        |                        |
| 7                                                                                                                      | Phòng Tài chính – Kế toán                                                | 26,7                     |                        | 46,4                 |                        | 0,30                        |                        |
|                                                                                                                        | <b>Tầng 3</b>                                                            |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 8                                                                                                                      | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                                  | 25,2                     |                        | 50,6                 |                        | 0,31                        |                        |
| 9                                                                                                                      | Phòng Phó Giám đốc                                                       | 27,8                     |                        | 49,5                 |                        | 0,25                        |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Bình Kiến - Đường<br/>Nguyễn Tất Thành, phường<br/>Bình Kiến</b> |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 10                                                                                                                     | Văn phòng                                                                | 30,1                     |                        | 58,2                 |                        | 0,29                        |                        |
| 11                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                         | 30,9                     |                        | 60,2                 |                        | 0,55                        |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất<br/>Thành, phường Tuy Hòa</b>               |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 12                                                                                                                     | Văn phòng                                                                | 30,8                     |                        | 56,3                 |                        | 0,35                        |                        |
| 13                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                         | 31,6                     |                        | 60,3                 |                        | 0,56                        |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất<br/>Thành, phường Tuy Hòa</b>               |                          |                        |                      |                        |                             |                        |
| 14                                                                                                                     | Văn phòng                                                                | 29,3                     |                        | 61,6                 |                        | 0,30                        |                        |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                           | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                           | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                                   | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
| 15                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 30,8                     |                                 | 70,4                  |                                 | 0,65                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350<br/>(P) Quốc lộ 1A, phường Bình<br/>Kiến</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 16                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,2                     |                                 | 51,7                  |                                 | 0,50                        |                                 |
| 17                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,2                     |                                 | 75,2                  |                                 | 0,68                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng<br/>Vương, phường Phú Yên</b>               |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 18                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 28,1                     |                                 | 59,4                  |                                 | 0,38                        |                                 |
| 19                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 30,5                     |                                 | 74,7                  |                                 | 0,64                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn<br/>Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 20                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,5                     |                                 | 54,0                  |                                 | 0,45                        |                                 |
| 21                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,3                     |                                 | 54,8                  |                                 | 0,59                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường<br/>Tuy Hòa</b>                           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 22                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,6                     |                                 | 54,0                  |                                 | 0,45                        |                                 |
| 23                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,5                     |                                 | 58,0                  |                                 | 0,59                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P)<br/>Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>          |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 24                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,9                     |                                 | 53,2                  |                                 | 0,42                        |                                 |
| 25                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,6                     |                                 | 58,6                  |                                 | 0,60                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường<br/>Tuy Hòa</b>                           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 26                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,9                     |                                 | 54,1                  |                                 | 0,33                        |                                 |
| 27                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,7                     |                                 | 55,8                  |                                 | 0,59                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T)<br/>Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>          |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 28                                                                                                                     | Văn phòng                                                                 | 30,6                     |                                 | 54,5                  |                                 | 0,45                        |                                 |
| 29                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                          | 31,8                     |                                 | 60,0                  |                                 | 0,65                        |                                 |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                                    | Nhiệt độ<br>(°C) |                        | Độ ẩm<br>(%)  |                        | Tốc độ gió<br>(m/s) |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------------|------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                                    | 18 – 32          |                        | 40 – 80       |                        | 0,2 – 1,5           |                        |
| STT                                                                                                                    | Vị trí quan trắc                                                                   | Số mẫu<br>đạt    | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt       | Số mẫu<br>không<br>đạt |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200<br/>(P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>                    |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 30                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,9             |                        | 53,2          |                        | 0,42                |                        |
| 31                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,8             |                        | 56,6          |                        | 0,62                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930<br/>(T) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>                |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 32                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,5             |                        | 52,5          |                        | 0,48                |                        |
| 33                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,3             |                        | 54,7          |                        | 0,59                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300<br/>(P) Đường Phước Lộc – A20, xã<br/>Xuân Phước</b> |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 34                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,6             |                        | 53,8          |                        | 0,35                |                        |
| 35                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,5             |                        | 61,0          |                        | 0,55                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km<br/>66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                           |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 36                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,1             |                        | 51,2          |                        | 0,40                |                        |
| 37                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,4             |                        | 55,6          |                        | 0,61                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Đông La Hai - Km<br/>12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã<br/>Đồng Xuân</b>      |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 38                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,5             |                        | 50,5          |                        | 0,42                |                        |
| 39                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,3             |                        | 51,7          |                        | 0,50                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900<br/>(T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân</b>                |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 40                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,8             |                        | 59,2          |                        | 0,39                |                        |
| 41                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,5             |                        | 62,9          |                        | 0,52                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km<br/>47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân<br/>Lãnh</b>        |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 42                                                                                                                     | Văn phòng                                                                          | 30,8             |                        | 60,4          |                        | 0,39                |                        |
| 43                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                   | 31,8             |                        | 61,8          |                        | 0,63                |                        |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                              | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                              | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                                      | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
|                                                                                                                        | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã<br/>Tuy An Đông</b>                           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 44                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,7                     |                                 | 61,6                  |                                 | 0,48                        |                                 |
| 45                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,1                     |                                 | 66,7                  |                                 | 0,59                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350<br/>(P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>               |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 46                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,9                     |                                 | 54,2                  |                                 | 0,47                        |                                 |
| 47                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,5                     |                                 | 58,1                  |                                 | 0,62                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Chí Thạnh - Km<br/>1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy<br/>An Bắc</b>    |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 48                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,0                     |                                 | 60,3                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 49                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,7                     |                                 | 64,8                  |                                 | 0,73                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800<br/>(P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>         |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 50                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,5                     |                                 | 67,6                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 51                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,6                     |                                 | 65,4                  |                                 | 0,69                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800<br/>(P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>            |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 52                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,1                     |                                 | 64,8                  |                                 | 0,55                        |                                 |
| 53                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,8                     |                                 | 65,9                  |                                 | 0,68                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn<br/>Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>                  |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 54                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 26,5                     |                                 | 62,6                  |                                 | 0,25                        |                                 |
| 55                                                                                                                     | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                                       | 26,3                     |                                 | 60,4                  |                                 | 0,30                        |                                 |
| 56                                                                                                                     | Phòng Giám Đốc Kho                                                           | 26,0                     |                                 | 56,4                  |                                 | 0,28                        |                                 |
| 57                                                                                                                     | Khu vực trạm xuất bộ                                                         | 31,0                     |                                 | 72,5                  |                                 | 0,46                        |                                 |
| 58                                                                                                                     | Khu vực sàn kiểm                                                             | 31,8                     |                                 | 70,0                  |                                 | 0,45                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km<br/>1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường<br/>Đông Hòa</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                              | Nhiệt độ<br>(°C) |                        | Độ ẩm<br>(%)  |                        | Tốc độ gió<br>(m/s) |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------------|------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                              | 18 – 32          |                        | 40 – 80       |                        | 0,2 – 1,5           |                        |
| STT                                                                                                                    | Vị trí quan trắc                                                             | Số mẫu<br>đạt    | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt       | Số mẫu<br>không<br>đạt |
| 59                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,5             |                        | 60,3          |                        | 0,39                |                        |
| 60                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,7             |                        | 64,7          |                        | 0,73                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km<br/>1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường<br/>Đông Hòa</b> |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 61                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,5             |                        | 67,6          |                        | 0,39                |                        |
| 62                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,6             |                        | 65,4          |                        | 0,68                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830<br/>(T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>       |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 63                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 30,7             |                        | 65,6          |                        | 0,41                |                        |
| 64                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,6             |                        | 66,1          |                        | 0,65                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346<br/>(P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>       |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 65                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 28,6             |                        | 75,6          |                        | 0,33                |                        |
| 66                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,5             |                        | 64,9          |                        | 0,66                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km<br/>1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa<br/>Xuân</b>  |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 67                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 29,6             |                        | 72,6          |                        | 0,31                |                        |
| 68                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,5             |                        | 65,8          |                        | 0,63                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700<br/>(P) ĐT 645, xã Tây Hòa</b>                  |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 69                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 29,8             |                        | 63,5          |                        | 0,22                |                        |
| 70                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,0             |                        | 72,9          |                        | 0,89                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500<br/>(P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>           |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 71                                                                                                                     | Văn phòng                                                                    | 29,6             |                        | 58,0          |                        | 0,22                |                        |
| 72                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                             | 31,8             |                        | 70,6          |                        | 0,98                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km<br/>22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa<br/>Vinh 1</b>   |                  |                        |               |                        |                     |                        |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                 | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                 | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                         | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
| 73                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 28,1                     |                                 | 60,8                  |                                 | 0,21                        |                                 |
| 74                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 31,3                     |                                 | 75,1                  |                                 | 0,58                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 75                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 29,6                     |                                 | 61,8                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 76                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 30,8                     |                                 | 65,7                  |                                 | 0,99                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>       |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 77                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 29,5                     |                                 | 53,1                  |                                 | 0,43                        |                                 |
| 78                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 31,2                     |                                 | 70,4                  |                                 | 0,93                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>              |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 79                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 28,7                     |                                 | 55,3                  |                                 | 0,23                        |                                 |
| 80                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 31,7                     |                                 | 76,4                  |                                 | 0,57                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>         |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 81                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 28,9                     |                                 | 56,0                  |                                 | 0,22                        |                                 |
| 82                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 30,9                     |                                 | 70,6                  |                                 | 0,72                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>             |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 83                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 30,5                     |                                 | 67,6                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 84                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 31,8                     |                                 | 65,4                  |                                 | 0,69                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 85                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 30,7                     |                                 | 64,6                  |                                 | 0,45                        |                                 |
| 86                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 31,8                     |                                 | 67,1                  |                                 | 0,85                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>   |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 87                                                                                                                     | Văn phòng                                                       | 28,5                     |                                 | 55,1                  |                                 | 0,41                        |                                 |
| 88                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                | 30,9                     |                                 | 65,8                  |                                 | 0,94                        |                                 |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                                 | Nhiệt độ<br>(°C) |                        | Độ ẩm<br>(%)  |                        | Tốc độ gió<br>(m/s) |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------------|------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                                 | 18 – 32          |                        | 40 – 80       |                        | 0,2 – 1,5           |                        |
| STT                                                                                                                    | Vị trí quan trắc                                                                | Số mẫu<br>đạt    | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt | Số mẫu<br>không<br>đạt | Số mẫu<br>đạt       | Số mẫu<br>không<br>đạt |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600<br/>(P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>               |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 89                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 29,9             |                        | 53,1          |                        | 0,43                |                        |
| 90                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                | 31,8             |                        | 70,4          |                        | 0,87                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400<br/>(T) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>              |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 91                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 28,9             |                        | 59,7          |                        | 0,46                |                        |
| 92                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                | 31,2             |                        | 68,5          |                        | 0,75                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Sông Hình - Km 88+240<br/>(P) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>              |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 93                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 28,5             |                        | 53,2          |                        | 0,28                |                        |
| 94                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                | 30,7             |                        | 70,4          |                        | 0,71                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phước An - Km 119+900<br/>(P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>              |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 95                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 29,5             |                        | 65,9          |                        | 0,31                |                        |
| 96                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                | 31,8             |                        | 75,2          |                        | 0,84                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900<br/>(P) đường Hồ Chí Minh, phường<br/>Buôn Hồ</b> |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 97                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 30,1             |                        | 59,4          |                        | 0,38                |                        |
| 98                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                                | 31,7             |                        | 74,7          |                        | 0,87                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố<br/>11, xã Krông Pắc</b>                         |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 99                                                                                                                     | Văn phòng                                                                       | 28,9             |                        | 53,2          |                        | 0,40                |                        |
| 100                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,4             |                        | 67,4          |                        | 0,90                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800<br/>(P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>              |                  |                        |               |                        |                     |                        |
| 101                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 29,1             |                        | 51,2          |                        | 0,45                |                        |
| 102                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,0             |                        | 65,1          |                        | 0,97                |                        |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700<br/>(P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>               |                  |                        |               |                        |                     |                        |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                                 | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                                 | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                                         | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
| 103                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 28,1                     |                                 | 53,2                  |                                 | 0,38                        |                                 |
| 104                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,7                     |                                 | 70,4                  |                                 | 0,74                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km<br/>19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã<br/>Khánh Vĩnh</b>       |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 105                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 30,2                     |                                 | 58,4                  |                                 | 0,31                        |                                 |
| 106                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,5                     |                                 | 71,0                  |                                 | 0,69                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600<br/>(T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh<br/>Vĩnh</b>     |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 107                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 30,6                     |                                 | 53,8                  |                                 | 0,35                        |                                 |
| 108                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,8                     |                                 | 71,1                  |                                 | 0,72                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                             |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả<br/>Canh, phường An Nhơn</b>                        |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 109                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 30,2                     |                                 | 55,7                  |                                 | 0,34                        |                                 |
| 110                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,5                     |                                 | 61,6                  |                                 | 0,68                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100<br/>(T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>                  |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 111                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 30,5                     |                                 | 60,1                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 112                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,7                     |                                 | 75,8                  |                                 | 0,64                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT<br/>668, xã Ia Rbol</b>                           |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 113                                                                                                                    | Văn phòng                                                                       | 29,8                     |                                 | 57,7                  |                                 | 0,41                        |                                 |
| 114                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                                | 31,3                     |                                 | 67,2                  |                                 | 0,78                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>Văn phòng Chi nhánh Gia Lai -<br/>441B Trần Hưng Đạo, phường<br/>Ayun Pa</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 115                                                                                                                    | Phòng Phó Giám Đốc                                                              | 28,4                     |                                 | 57,3                  |                                 | 0,32                        |                                 |
| 116                                                                                                                    | Phòng làm việc tầng 1                                                           | 28,2                     |                                 | 56,2                  |                                 | 0,35                        |                                 |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                       | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                       | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                               | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
| 117                                                                                                                    | Phòng làm việc tầng 2                                                 | 28,1                     |                                 | 56,1                  |                                 | 0,38                        |                                 |
| 118                                                                                                                    | Phòng Giám Đốc                                                        | 28,0                     |                                 | 58,1                  |                                 | 0,31                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Bình - Đường<br/>Nguyễn Viết Xuân, phường<br/>Ayun Pa</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 119                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 29,0                     |                                 | 60,3                  |                                 | 0,30                        |                                 |
| 120                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,2                     |                                 | 68,2                  |                                 | 0,60                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý<br/>Thường Kiệt, phường Ayun Pa</b>          |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 121                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 28,5                     |                                 | 55,1                  |                                 | 0,34                        |                                 |
| 122                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,8                     |                                 | 68,8                  |                                 | 0,67                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Bồn - Đường Ngô<br/>Quyền, phường Ayun Pa</b>             |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 123                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 29,1                     |                                 | 54,1                  |                                 | 0,44                        |                                 |
| 124                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,1                     |                                 | 63,1                  |                                 | 0,78                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C,<br/>xã Ia Tul</b>                   |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 125                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 28,7                     |                                 | 55,1                  |                                 | 0,42                        |                                 |
| 126                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,0                     |                                 | 62,4                  |                                 | 0,77                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P)<br/>ĐT 662, xã Ia Pa</b>                |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 127                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 28,5                     |                                 | 52,1                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 128                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,2                     |                                 | 71,5                  |                                 | 0,69                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P)<br/>ĐT 662, xã Ia Pa</b>               |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 129                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 28,4                     |                                 | 57,8                  |                                 | 0,32                        |                                 |
| 130                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                      | 31,3                     |                                 | 75,1                  |                                 | 0,78                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT<br/>662, xã Pờ Tó</b>                    |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 131                                                                                                                    | Văn phòng                                                             | 29,6                     |                                 | 60,8                  |                                 | 0,45                        |                                 |

| <b>QCVN 26:2016/BYT</b><br>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu –<br>Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc |                                                                              | <b>Nhiệt độ<br/>(°C)</b> |                                 | <b>Độ ẩm<br/>(%)</b>  |                                 | <b>Tốc độ gió<br/>(m/s)</b> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                              | 18 – 32                  |                                 | 40 – 80               |                                 | 0,2 – 1,5                   |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí quan trắc</b>                                                      | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>    | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> | <b>Số mẫu<br/>đạt</b>       | <b>Số mẫu<br/>không<br/>đạt</b> |
| 132                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                             | 31,8                     |                                 | 63,7                  |                                 | 0,89                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600<br/>(P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>              |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 133                                                                                                                    | Văn phòng                                                                    | 28,5                     |                                 | 59,1                  |                                 | 0,41                        |                                 |
| 134                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                             | 31,6                     |                                 | 65,8                  |                                 | 0,97                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km<br/>137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>         |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 135                                                                                                                    | Văn phòng                                                                    | 29,5                     |                                 | 53,7                  |                                 | 0,39                        |                                 |
| 136                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                             | 31,2                     |                                 | 71,4                  |                                 | 0,93                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú Nhơn - Km<br/>1655+150 (P) Đường Hồ Chí<br/>Minh, xã Chư Pưh</b> |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 137                                                                                                                    | Văn phòng                                                                    | 29,8                     |                                 | 63,2                  |                                 | 0,31                        |                                 |
| 138                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                             | 31,5                     |                                 | 70,1                  |                                 | 0,84                        |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700<br/>(P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>         |                          |                                 |                       |                                 |                             |                                 |
| 139                                                                                                                    | Văn phòng                                                                    | 30,7                     |                                 | 55,3                  |                                 | 0,43                        |                                 |
| 140                                                                                                                    | Khu vực bán hàng                                                             | 31,7                     |                                 | 76,4                  |                                 | 0,97                        |                                 |
| <b>Tổng số</b>                                                                                                         |                                                                              | <b>140</b>               | <b>00</b>                       | <b>140</b>            | <b>00</b>                       | <b>140</b>                  | <b>00</b>                       |

- Khu vực có điều hòa không khí tốc độ gió có thể dưới 0,2 m/s.

## II. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ

### 1. ÁNH SÁNG (Lux)

|    | Vị trí quan trắc                                          | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br>Mức cho phép<br>chiếu sáng tại<br>nơi làm việc |
|----|-----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
|    |                                                           | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                       |
|    | Tỉnh Đắk Lắk                                              |                   |                        |                                                                       |
|    | Văn phòng công ty (157-159 Hùng Vương, phường Tuy Hòa)    |                   |                        |                                                                       |
|    | Tầng 1                                                    |                   |                        |                                                                       |
| 1  | Phòng Tổ chức                                             | 1963              |                        | ≥ 300                                                                 |
| 2  | Phòng Lái xe- Tập vụ                                      | 672               |                        |                                                                       |
|    | Tầng 2                                                    |                   |                        |                                                                       |
| 3  | Phòng Kỹ thuật                                            | 682               |                        | ≥ 300                                                                 |
| 4  | Phòng Phó Giám Đốc                                        | 1561              |                        |                                                                       |
| 5  | Phòng Giám Đốc                                            | 1311              |                        |                                                                       |
| 6  | Phòng Kinh doanh                                          | 1066              |                        |                                                                       |
| 7  | Phòng Tài chính – Kế toán                                 | 961               |                        |                                                                       |
|    | Tầng 3                                                    |                   |                        |                                                                       |
| 8  | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                   | 1251              |                        | ≥ 300                                                                 |
| 9  | Phòng Phó Giám đốc                                        | 946               |                        |                                                                       |
|    | CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến |                   |                        |                                                                       |
| 10 | Văn phòng                                                 | 801               |                        | ≥ 300                                                                 |
| 11 | Khu vực bán hàng                                          | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                       |
|    | CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa           |                   |                        |                                                                       |
| 12 | Văn phòng                                                 | 776               |                        | ≥ 300                                                                 |
| 13 | Khu vực bán hàng                                          | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                       |
|    | CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa           |                   |                        |                                                                       |

|    | Vị trí quan trắc                                                      | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                       | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 14 | Văn phòng                                                             | 884               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 15 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P)<br/>Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b> |                   |                        |                                                                                |
| 16 | Văn phòng                                                             | 788               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 17 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng<br/>Vương, phường Phú Yên</b>           |                   |                        |                                                                                |
| 18 | Văn phòng                                                             | 687               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 19 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất<br/>Thành, phường Tuy Hòa</b>       |                   |                        |                                                                                |
| 20 | Văn phòng                                                             | 716               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 21 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy<br/>Hòa</b>                       |                   |                        |                                                                                |
| 22 | Văn phòng                                                             | 554               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 23 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ<br/>25, phường Tuy Hòa</b>      |                   |                        |                                                                                |
| 24 | Văn phòng                                                             | 561               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 25 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy<br/>Hòa</b>                       |                   |                        |                                                                                |
| 26 | Văn phòng                                                             | 870               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 27 | Khu vực bán hàng                                                      | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ<br/>25, phường Tuy Hòa</b>      |                   |                        |                                                                                |
| 28 | Văn phòng                                                             | 943               |                        | ≥ 300                                                                          |

|    | Vị trí quan trắc                                                    | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 29 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        | ≥ 300                                                                          |
|    | CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên                |                   |                        |                                                                                |
| 30 | Văn phòng                                                           | 580               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 31 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (T) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh            |                   |                        |                                                                                |
| 32 | Văn phòng                                                           | 497               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 33 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (P) Đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước |                   |                        |                                                                                |
| 34 | Văn phòng                                                           | 571               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 35 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C                       |                   |                        |                                                                                |
| 36 | Văn phòng                                                           | 623               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 37 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân      |                   |                        |                                                                                |
| 38 | Văn phòng                                                           | 655               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 39 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân            |                   |                        |                                                                                |
| 40 | Văn phòng                                                           | 573               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 41 | Khu vực bán hàng                                                    | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh        |                   |                        |                                                                                |
| 42 | Văn phòng                                                           | 632               |                        | ≥ 300                                                                          |

|    | Vị trí quan trắc                                           | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|----|------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                            | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 43 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        | ≥ 300                                                                          |
|    | CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông                    |                   |                        |                                                                                |
| 44 | Văn phòng                                                  | 614               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 45 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây        |                   |                        |                                                                                |
| 46 | Văn phòng                                                  | 598               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 47 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc |                   |                        |                                                                                |
| 48 | Văn phòng                                                  | 561               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 49 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc  |                   |                        |                                                                                |
| 50 | Văn phòng                                                  | 993               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 51 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam     |                   |                        |                                                                                |
| 52 | Văn phòng                                                  | 984               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 53 | Khu vực bán hàng                                           | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân           |                   |                        |                                                                                |
| 54 | Văn phòng                                                  | 463               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 55 | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                     | 521               |                        |                                                                                |
| 56 | Phòng Giám Đốc Kho                                         | 431               |                        |                                                                                |
| 57 | Khu vực trạm xuất bộ                                       | 1564              |                        |                                                                                |
| 58 | Khu vực sàn kiểm                                           | 1216              |                        |                                                                                |

|    | Vị trí quan trắc                                                         | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                          | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T)<br/>Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                   |                        |                                                                                |
| 59 | Văn phòng                                                                | 562               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 60 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T)<br/>Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                   |                        |                                                                                |
| 61 | Văn phòng                                                                | 1493              |                        | ≥ 300                                                                          |
| 62 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T)<br/>Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                   |                        |                                                                                |
| 63 | Văn phòng                                                                | 871               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 64 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P)<br/>Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                   |                        |                                                                                |
| 65 | Văn phòng                                                                | 826               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 66 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300<br/>(P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                   |                        |                                                                                |
| 67 | Văn phòng                                                                | 362               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 68 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P)<br/>ĐT 645, xã Tây Hòa</b>              |                   |                        |                                                                                |
| 69 | Văn phòng                                                                | 778               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 70 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P)<br/>Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>       |                   |                        |                                                                                |
| 71 | Văn phòng                                                                | 557               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 72 | Khu vực bán hàng                                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T)<br/>Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>   |                   |                        |                                                                                |

|    | Vị trí quan trắc                                         | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                          | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 73 | Văn phòng                                                | 759               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 74 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1           |                   |                        |                                                                                |
| 75 | Văn phòng                                                | 897               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 76 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa       |                   |                        |                                                                                |
| 77 | Văn phòng                                                | 711               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 78 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa              |                   |                        |                                                                                |
| 79 | Văn phòng                                                | 819               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 80 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa         |                   |                        |                                                                                |
| 81 | Văn phòng                                                | 768               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 82 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa             |                   |                        |                                                                                |
| 83 | Văn phòng                                                | 933               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 84 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai |                   |                        |                                                                                |
| 85 | Văn phòng                                                | 879               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 86 | Khu vực bán hàng                                         | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|    | CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai   |                   |                        |                                                                                |
| 87 | Văn phòng                                                | 916               |                        | ≥ 300                                                                          |

|     | Vị trí quan trắc                                                            | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                             | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 88  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        | ≥ 300                                                                          |
|     | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P)<br/>Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>           |                   |                        |                                                                                |
| 89  | Văn phòng                                                                   | 625               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 90  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T)<br/>Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                   |                        |                                                                                |
| 91  | Văn phòng                                                                   | 613               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 92  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Sông Hình - Km 88+240 (P)<br/>Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                   |                        |                                                                                |
| 93  | Văn phòng                                                                   | 627               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 94  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Phước An - Km 119+900 (P)<br/>Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                   |                        |                                                                                |
| 95  | Văn phòng                                                                   | 687               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 96  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P)<br/>đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                   |                        |                                                                                |
| 97  | Văn phòng                                                                   | 859               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 98  | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã<br/>Krông Pắc</b>                     |                   |                        |                                                                                |
| 99  | Văn phòng                                                                   | 679               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 100 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P)<br/>Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                   |                        |                                                                                |
| 101 | Văn phòng                                                                   | 736               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 102 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |

|     | Vị trí quan trắc                                                            | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                             | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
|     | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700<br/>(P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                   |                        |                                                                                |
| 103 | Văn phòng                                                                   | 517               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 104 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                       |                   |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P)<br/>Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>       |                   |                        |                                                                                |
| 105 | Văn phòng                                                                   | 558               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 106 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T)<br/>Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b>     |                   |                        |                                                                                |
| 107 | Văn phòng                                                                   | 489               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 108 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                         |                   |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh,<br/>phường An Nhơn</b>                    |                   |                        |                                                                                |
| 109 | Văn phòng                                                                   | 785               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 110 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc<br/>lộ 25, xã Phú Túc</b>              |                   |                        |                                                                                |
| 111 | Văn phòng                                                                   | 981               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 112 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã<br/>Ia Rbol</b>                       |                   |                        |                                                                                |
| 113 | Văn phòng                                                                   | 787               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 114 | Khu vực bán hàng                                                            | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>Văn phòng Chi nhánh Gia Lai - 441B<br/>Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa</b> |                   |                        |                                                                                |
| 115 | Phòng Phó Giám Đốc                                                          | 569               |                        | ≥ 300                                                                          |

|     | Vị trí quan trắc                                             | Ánh sáng (Lux)    |                        | QCVN<br>22:2016/BYT<br><i>Mức cho phép<br/>chiếu sáng tại<br/>nơi làm việc</i> |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                              | Số mẫu<br>đạt     | Số mẫu<br>không<br>đạt |                                                                                |
| 116 | Phòng làm việc tầng 1                                        | 652               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 117 | Phòng làm việc tầng 2                                        | 663               |                        |                                                                                |
| 118 | Phòng Giám Đốc                                               | 575               |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã<br/>Ia Rbol</b>        |                   |                        |                                                                                |
| 119 | Văn phòng                                                    | 879               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 120 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt,<br/>phường Ayun Pa</b> |                   |                        |                                                                                |
| 121 | Văn phòng                                                    | 597               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 122 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Phú Bôn - Đường Ngô Quyền,<br/>phường Ayun Pa</b>    |                   |                        |                                                                                |
| 123 | Văn phòng                                                    | 678               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 124 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia<br/>Tul</b>          |                   |                        |                                                                                |
| 125 | Văn phòng                                                    | 513               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 126 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662,<br/>xã Ia Pa</b>       |                   |                        |                                                                                |
| 127 | Văn phòng                                                    | 559               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 128 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P) ĐT<br/>662, xã Ia Pa</b>      |                   |                        |                                                                                |
| 129 | Văn phòng                                                    | 639               |                        | ≥ 300                                                                          |
| 130 | Khu vực bán hàng                                             | Ánh sáng tự nhiên |                        |                                                                                |
|     | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã<br/>Pờ Tó</b>           |                   |                        |                                                                                |

|                | Vị trí quan trắc                                                     | Ánh sáng (Lux)    |                  | <b>QCVN 22:2016/BYT</b><br><i>Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc</i> |
|----------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                                      | Số mẫu đạt        | Số mẫu không đạt |                                                                            |
| 131            | Văn phòng                                                            | 520               |                  | ≥ 300                                                                      |
| 132            | Khu vực bán hàng                                                     | Ánh sáng tự nhiên |                  |                                                                            |
|                | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>          |                   |                  |                                                                            |
| 133            | Văn phòng                                                            | 519               |                  | ≥ 300                                                                      |
| 134            | Khu vực bán hàng                                                     | Ánh sáng tự nhiên |                  |                                                                            |
|                | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                   |                  |                                                                            |
| 135            | Văn phòng                                                            | 602               |                  | ≥ 300                                                                      |
| 136            | Khu vực bán hàng                                                     | Ánh sáng tự nhiên |                  |                                                                            |
|                | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Puh</b> |                   |                  |                                                                            |
| 137            | Văn phòng                                                            | 589               |                  | ≥ 300                                                                      |
| 138            | Khu vực bán hàng                                                     | Ánh sáng tự nhiên |                  |                                                                            |
|                | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                   |                  |                                                                            |
| 139            | Văn phòng                                                            | 489               |                  | ≥ 300                                                                      |
| 140            | Khu vực bán hàng                                                     | Ánh sáng tự nhiên |                  |                                                                            |
| <b>Tổng số</b> |                                                                      | <b>140</b>        | <b>00</b>        |                                                                            |

- Ánh sáng tự nhiên không áp dụng QCVN 22:2016/BYT.

## 2. TIẾNG ÒN (dBA)

| STT                                                   | Vị trí lao động                                           | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                           |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                           | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                           | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | Tỉnh Đắk Lắk                                              |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                       | Văn phòng công ty (157-159 Hùng Vương, phường Tuy Hòa)    |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                       | Tầng 1                                                    |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1                                                     | Phòng Tổ chức                                             | 54,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 2                                                     | Phòng Lái xe- Tập vụ                                      | 56,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
|                                                       | Tầng 2                                                    |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 3                                                     | Phòng Kỹ thuật                                            | 50,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 4                                                     | Phòng Phó Giám Đốc                                        | 49,9                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 5                                                     | Phòng Giám Đốc                                            | 48,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 6                                                     | Phòng Kinh doanh                                          | 57,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 7                                                     | Phòng Tài chính – Kế toán                                 | 56,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
|                                                       | Tầng 3                                                    |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 8                                                     | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                   | 56,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 9                                                     | Phòng Phó Giám đốc                                        | 48,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
|                                                       | CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 10                                                    | Văn phòng                                                 | 62,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 11                                                    | Khu vực bán hàng                                          | 65,2                                         | 70,3                                                                         | 74,0 | 66,4 | 61,5 | 61,8 | 59,6 | 53,4 | 50,3 |
|                                                       | CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                            | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                            |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                            | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                            | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 12                                                    | Văn phòng                                                  | 67,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 13                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 67,5                                         | 72,4                                                                         | 76,5 | 68,5 | 63,7 | 63,9 | 60,8 | 55,5 | 51,1 |
|                                                       | CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 14                                                    | Văn phòng                                                  | 52,1                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 15                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 62,5                                         | 67,3                                                                         | 71,2 | 63,4 | 58,6 | 58,6 | 55,7 | 50,3 | 47,6 |
|                                                       | CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 16                                                    | Văn phòng                                                  | 54,1                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 17                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 70,1                                         | 73,6                                                                         | 75,3 | 71,3 | 66,4 | 66,8 | 63,4 | 58,5 | 54,2 |
|                                                       | CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 18                                                    | Văn phòng                                                  | 54,0                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 19                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 69,2                                         | 72,0                                                                         | 73,4 | 70,3 | 65,4 | 66,7 | 62,8 | 57,6 | 53,5 |
|                                                       | CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa       |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 20                                                    | Văn phòng                                                  | 56,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 21                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 68,1                                         | 69,8                                                                         | 70,5 | 68,4 | 64,3 | 65,4 | 61,5 | 56,8 | 52,8 |
|                                                       | CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa                       |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 22                                                    | Văn phòng                                                  | 57,2                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 23                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 65,1                                         | 64,6                                                                         | 65,6 | 66,5 | 63,5 | 64,7 | 60,8 | 55,6 | 50,6 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                                     | Mức âm<br>hoặc<br>mức âm<br>tương<br>đương<br>không<br>quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số<br>trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                                     |                                                                | 63                                                                              | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                                     |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                                     |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                                     | ≤ 85                                                           | ≤ 99                                                                            | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                                     | ≤ 65                                                           | ≤ 83                                                                            | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa               |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 24                                                    | Văn phòng                                                           | 59,1                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 25                                                    | Khu vực bán hàng                                                    | 71,0                                                           | 71,8                                                                            | 70,4 | 67,2 | 66,3 | 64,3 | 58,6 | 55,4 | 52,6 |
|                                                       | CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa                                |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 26                                                    | Văn phòng                                                           | 55,8                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 27                                                    | Khu vực bán hàng                                                    | 70,9                                                           | 73,4                                                                            | 74,4 | 72,0 | 68,7 | 65,8 | 64,6 | 56,8 | 53,7 |
|                                                       | CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa               |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 28                                                    | Văn phòng                                                           | 59,2                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 29                                                    | Khu vực bán hàng                                                    | 69,8                                                           | 70,1                                                                            | 71,2 | 66,7 | 67,5 | 67,5 | 66,5 | 55,4 | 51,2 |
|                                                       | CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên                |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 30                                                    | Văn phòng                                                           | 56,4                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 31                                                    | Khu vực bán hàng                                                    | 70,1                                                           | 73,3                                                                            | 72,0 | 68,0 | 68,8 | 65,5 | 63,3 | 56,0 | 52,4 |
|                                                       | CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (T) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh            |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 32                                                    | Văn phòng                                                           | 58,1                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 33                                                    | Khu vực bán hàng                                                    | 65,8                                                           | 68,1                                                                            | 66,2 | 65,0 | 65,5 | 65,8 | 64,9 | 55,1 | 51,5 |
|                                                       | CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (P) Đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                                | Mức âm<br>hoặc<br>mức âm<br>tương<br>đương<br>không<br>quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số<br>trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                                |                                                                | 63                                                                              | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                                |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                                |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                                | ≤ 85                                                           | ≤ 99                                                                            | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                                | ≤ 65                                                           | ≤ 83                                                                            | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 34                                                    | Văn phòng                                                      | 60,1                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 35                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 68,6                                                           | 48,3                                                                            | 50,9 | 60,4 | 67,6 | 67,6 | 68,3 | 59,2 | 53,4 |
|                                                       | CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C                  |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 36                                                    | Văn phòng                                                      | 57,8                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 37                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 64,9                                                           | 68,6                                                                            | 67,4 | 65,2 | 64,1 | 63,4 | 63,8 | 61,5 | 50,4 |
|                                                       | CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 38                                                    | Văn phòng                                                      | 57,4                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 39                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 76,5                                                           | 78,4                                                                            | 76,4 | 76,0 | 75,0 | 73,2 | 71,6 | 60,8 | 55,4 |
|                                                       | CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân       |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 40                                                    | Văn phòng                                                      | 65,2                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 41                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 76,1                                                           | 77,5                                                                            | 75,0 | 73,3 | 73,3 | 72,2 | 70,2 | 67,3 | 56,0 |
|                                                       | CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh   |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 42                                                    | Văn phòng                                                      | 64,6                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 43                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 77,2                                                           | 75,4                                                                            | 75,1 | 74,1 | 74,3 | 73,2 | 71,0 | 69,1 | 59,1 |
|                                                       | CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông                        |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 44                                                    | Văn phòng                                                      | 63,0                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 45                                                    | Khu vực bán hàng                                               | 71,9                                                           | 72,9                                                                            | 71,4 | 70,5 | 70,2 | 68,6 | 67,5 | 63,0 | 56,5 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                            | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                            |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                            | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                            | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây        |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 46                                                    | Văn phòng                                                  | 52,4                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 47                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 63,3                                         | 63,8                                                                         | 67,7 | 64,5 | 63,6 | 62,0 | 58,3 | 57,5 | 48,1 |
|                                                       | CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 48                                                    | Văn phòng                                                  | 60,2                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 49                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 73,8                                         | 73,5                                                                         | 69,4 | 68,5 | 65,9 | 65,5 | 64,7 | 63,8 | 54,3 |
|                                                       | CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 50                                                    | Văn phòng                                                  | 53,9                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 51                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 65,0                                         | 63,1                                                                         | 69,7 | 61,4 | 65,8 | 66,2 | 62,5 | 59,7 | 51,2 |
|                                                       | CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam     |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 52                                                    | Văn phòng                                                  | 58,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 53                                                    | Khu vực bán hàng                                           | 76,8                                         | 70,9                                                                         | 76,9 | 72,8 | 71,5 | 70,8 | 70,7 | 67,1 | 60,5 |
|                                                       | Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 54                                                    | Văn phòng                                                  | 51,5                                         | 51,5                                                                         | 52,7 | 47,4 | 48,8 | 50,9 | 48,3 | 46,0 | 40,2 |
| 55                                                    | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                     | 52,8                                         | 52,6                                                                         | 51,8 | 49,7 | 49,1 | 51,3 | 49,7 | 47,6 | 40,4 |
| 56                                                    | Phòng Giám Đốc Kho                                         | 49,3                                         | 49,5                                                                         | 48,3 | 45,6 | 47,7 | 49,5 | 47,3 | 45,3 | 38,2 |
| 57                                                    | Khu vực trạm xuất bộ                                       | 68,6                                         | 66,8                                                                         | 65,3 | 63,8 | 62,2 | 61,4 | 60,6 | 58,4 | 50,4 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                               | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                               |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                               |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                               |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                               | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                               | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 58                                                    | Khu vực sàn kiểm                                              | 66,3                                         | 65,9                                                                         | 60,0 | 58,3 | 58,2 | 57,0 | 56,3 | 53,2 | 50,8 |
|                                                       | CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 59                                                    | Văn phòng                                                     | 55,7                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 60                                                    | Khu vực bán hàng                                              | 68,8                                         | 67,8                                                                         | 63,0 | 60,9 | 61,1 | 61,2 | 59,5 | 58,9 | 50,6 |
|                                                       | CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 61                                                    | Văn phòng                                                     | 60,7                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 62                                                    | Khu vực bán hàng                                              | 76,3                                         | 54,2                                                                         | 67,7 | 53,6 | 55,2 | 53,6 | 45,1 | 40,3 | 42,5 |
|                                                       | CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa   |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 63                                                    | Văn phòng                                                     | 58,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 64                                                    | Khu vực bán hàng                                              | 78,3                                         | 75,9                                                                         | 70,0 | 66,3 | 65,2 | 64,0 | 63,3 | 58,2 | 54,8 |
|                                                       | CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa   |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 65                                                    | Văn phòng                                                     | 54,0                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 66                                                    | Khu vực bán hàng                                              | 67,2                                         | 69,0                                                                         | 64,3 | 63,6 | 63,3 | 62,8 | 60,7 | 54,5 | 50,5 |
|                                                       | CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 67                                                    | Văn phòng                                                     | 54,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 68                                                    | Khu vực bán hàng                                              | 68,9                                         | 67,9                                                                         | 66,3 | 62,9 | 62,5 | 62,7 | 59,5 | 54,0 | 51,5 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                             | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                             |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                             |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                             |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                             | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                             | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P) ĐT 645, xã Tây Hòa            |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 69                                                    | Văn phòng                                                   | 53,4                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 70                                                    | Khu vực bán hàng                                            | 69,2                                         | 70,6                                                                         | 67,6 | 63,7 | 67,5 | 65,4 | 64,7 | 60,2 | 53,0 |
|                                                       | CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành     |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 71                                                    | Văn phòng                                                   | 53,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 72                                                    | Khu vực bán hàng                                            | 69,1                                         | 72,8                                                                         | 66,5 | 65,0 | 66,7 | 67,7 | 68,2 | 63,0 | 52,7 |
|                                                       | CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1 |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 73                                                    | Văn phòng                                                   | 57,4                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 74                                                    | Khu vực bán hàng                                            | 77,5                                         | 70,3                                                                         | 79,2 | 69,8 | 70,1 | 66,5 | 65,8 | 57,9 | 53,2 |
|                                                       | CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1              |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 75                                                    | Văn phòng                                                   | 67,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 76                                                    | Khu vực bán hàng                                            | 76,9                                         | 71,0                                                                         | 70,8 | 65,0 | 69,8 | 70,3 | 75,8 | 68,0 | 58,9 |
|                                                       | CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 77                                                    | Văn phòng                                                   | 65,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 78                                                    | Khu vực bán hàng                                            | 77,2                                         | 71,2                                                                         | 70,0 | 60,8 | 66,5 | 74,9 | 71,3 | 67,0 | 57,0 |
|                                                       | CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa                 |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                          | Mức âm<br>hoặc<br>mức âm<br>tương<br>đương<br>không<br>quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số<br>trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                          |                                                                | 63                                                                              | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT<br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                          |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                          | ≤ 85                                                           | ≤ 99                                                                            | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                          | ≤ 65                                                           | ≤ 83                                                                            | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 79                                                    | Văn phòng                                                | 51,0                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 80                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 71,9                                                           | 68,9                                                                            | 64,7 | 61,0 | 68,0 | 71,6 | 67,2 | 63,9 | 56,0 |
|                                                       | CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa         |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 81                                                    | Văn phòng                                                | 57,4                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 82                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 69,3                                                           | 63,8                                                                            | 67,7 | 64,5 | 71,6 | 72,0 | 58,3 | 47,5 | 50,1 |
|                                                       | CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa             |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 83                                                    | Văn phòng                                                | 55,2                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 84                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 73,8                                                           | 72,2                                                                            | 71,4 | 67,0 | 67,5 | 63,1 | 66,1 | 65,1 | 62,8 |
|                                                       | CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 85                                                    | Văn phòng                                                | 50,9                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 86                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 69,0                                                           | 62,8                                                                            | 65,7 | 64,9 | 62,4 | 65,4 | 65,4 | 54,4 | 50,2 |
|                                                       | CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai   |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 87                                                    | Văn phòng                                                | 58,5                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 88                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 69,8                                                           | 68,7                                                                            | 60,5 | 62,1 | 60,9 | 65,3 | 67,2 | 53,9 | 50,7 |
|                                                       | CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình   |                                                                |                                                                                 |      |      |      |      |      |      |      |
| 89                                                    | Văn phòng                                                | 54,6                                                           | -                                                                               | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 90                                                    | Khu vực bán hàng                                         | 71,5                                                           | 70,8                                                                            | 69,9 | 64,8 | 62,1 | 65,2 | 65,2 | 63,5 | 56,1 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                                  | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                                  |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                                  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                                  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                                  | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                                  | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T) Quốc lộ 29, xã Sông Hình          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 91                                                    | Văn phòng                                                        | 57,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 92                                                    | Khu vực bán hàng                                                 | 69,4                                         | 71,6                                                                         | 71,3 | 68,6 | 63,6 | 60,0 | 63,6 | 63,1 | 52,9 |
|                                                       | CHXD Sông Hình - Km 88+240 (P) Quốc lộ 29, xã Sông Hình          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 93                                                    | Văn phòng                                                        | 52,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 94                                                    | Khu vực bán hàng                                                 | 65,4                                         | 62,9                                                                         | 63,8 | 62,1 | 61,7 | 64,7 | 66,1 | 60,2 | 51,6 |
|                                                       | CHXD Phước An - Km 119+900 (P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 95                                                    | Văn phòng                                                        | 55,9                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 96                                                    | Khu vực bán hàng                                                 | 72,1                                         | 73,2                                                                         | 74,1 | 73,1 | 70,7 | 65,6 | 67,7 | 67,3 | 58,7 |
|                                                       | CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P) đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 97                                                    | Văn phòng                                                        | 56,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 98                                                    | Khu vực bán hàng                                                 | 72,2                                         | 70,5                                                                         | 74,4 | 73,3 | 71,4 | 68,7 | 67,9 | 63,8 | 59,6 |
|                                                       | CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã Krông Pắc                     |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 99                                                    | Văn phòng                                                        | 58,9                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 100                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 68,1                                         | 60,2                                                                         | 62,2 | 60,7 | 56,4 | 62,2 | 57,9 | 55,6 | 52,2 |
|                                                       | CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                              | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                              |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                              |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                              |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                              | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                              | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 101                                                   | Văn phòng                                                    | 52,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 102                                                   | Khu vực bán hàng                                             | 66,9                                         | 61,1                                                                         | 63,5 | 61,1 | 58,2 | 62,7 | 62,4 | 61,6 | 52,8 |
|                                                       | CHXD Tân Hưng - Km 133+700 (P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc       |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 103                                                   | Văn phòng                                                    | 61,4                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 104                                                   | Khu vực bán hàng                                             | 80,1                                         | 79,8                                                                         | 80,2 | 70,3 | 67,8 | 65,2 | 65,3 | 64,8 | 57,2 |
|                                                       | Tỉnh Khánh Hòa                                               |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                       | CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh   |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 105                                                   | Văn phòng                                                    | 58,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 106                                                   | Khu vực bán hàng                                             | 77,2                                         | 71,0                                                                         | 70,8 | 65,0 | 69,8 | 70,3 | 75,8 | 68,0 | 58,9 |
|                                                       | CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 107                                                   | Văn phòng                                                    | 63,2                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 108                                                   | Khu vực bán hàng                                             | 81,2                                         | 75,9                                                                         | 73,5 | 71,7 | 65,4 | 64,3 | 65,7 | 63,2 | 57,6 |
|                                                       | Tỉnh Gia Lai                                                 |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                       | CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn                |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 109                                                   | Văn phòng                                                    | 58,1                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 110                                                   | Khu vực bán hàng                                             | 71,1                                         | 73,1                                                                         | 69,7 | 61,4 | 65,8 | 70,2 | 72,5 | 69,7 | 56,2 |
|                                                       | CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                                  | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                                  |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                                  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                                  |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                                  | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                                  | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 111                                                   | Văn phòng                                                        | 57,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 112                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 69,4                                         | 68,5                                                                         | 65,6 | 59,6 | 62,4 | 67,8 | 68,9 | 60,3 | 52,4 |
|                                                       | CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol                       |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 113                                                   | Văn phòng                                                        | 55,7                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 114                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 68,2                                         | 64,2                                                                         | 67,7 | 63,6 | 65,2 | 63,6 | 55,1 | 50,3 | 48,5 |
|                                                       | Văn phòng Chi nhánh Gia Lai - 441B Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 115                                                   | Phòng Phó Giám Đốc                                               | 54,0                                         | 57,5                                                                         | 56,1 | 55,7 | 52,1 | 48,9 | 49,2 | 51,8 | 46,8 |
| 116                                                   | Phòng làm việc tầng 1                                            | 55,1                                         | 54,3                                                                         | 57,9 | 56,9 | 51,5 | 50,0 | 48,3 | 52,7 | 48,3 |
| 117                                                   | Phòng làm việc tầng 2                                            | 53,2                                         | 54,2                                                                         | 57,7 | 53,6 | 45,2 | 53,6 | 55,1 | 40,3 | 42,5 |
| 118                                                   | Phòng Giám Đốc                                                   | 50,0                                         | 47,5                                                                         | 49,1 | 51,7 | 52,1 | 42,9 | 40,2 | 31,8 | 41,8 |
|                                                       | CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Ayun Pa           |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 119                                                   | Văn phòng                                                        | 56,9                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 120                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 76,8                                         | 72,4                                                                         | 70,6 | 65,7 | 68,2 | 68,9 | 66,5 | 63,5 | 59,1 |
|                                                       | CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt, phường Ayun Pa                |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 121                                                   | Văn phòng                                                        | 60,0                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 122                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 71,9                                         | 69,8                                                                         | 68,2 | 62,7 | 69,8 | 51,1 | 48,4 | 48,5 | 56,6 |
|                                                       | CHXD Phú Bổn - Đường Ngô Quyền, phường Ayun Pa                   |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                      | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                      |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT                                      |                                                      |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| Giá trị cho phép tại nơi làm việc                     |                                                      |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                      | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                      | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
| 123                                                   | Văn phòng                                            | 51,2                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 124                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 69,2                                         | 68,6                                                                         | 62,6 | 58,3 | 55,3 | 61,2 | 58,9 | 58,7 | 53,1 |
|                                                       | CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul             |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 125                                                   | Văn phòng                                            | 61,6                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 126                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 78,5                                         | 79,8                                                                         | 73,1 | 69,7 | 64,8 | 66,5 | 65,1 | 56,2 | 53,8 |
|                                                       | CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa          |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 127                                                   | Văn phòng                                            | 59,7                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 128                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 64,1                                         | 65,9                                                                         | 60,0 | 58,3 | 60,2 | 62,0 | 61,3 | 66,2 | 50,8 |
|                                                       | CHXD Ia Mron - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa        |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 129                                                   | Văn phòng                                            | 59,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 130                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 71,1                                         | 70,5                                                                         | 68,5 | 62,1 | 66,4 | 68,8 | 67,4 | 66,8 | 53,9 |
|                                                       | CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó              |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 131                                                   | Văn phòng                                            | 60,4                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 132                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 78,9                                         | 79,9                                                                         | 74,4 | 71,2 | 69,4 | 66,9 | 62,4 | 62,7 | 57,9 |
|                                                       | CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 133                                                   | Văn phòng                                            | 59,3                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 134                                                   | Khu vực bán hàng                                     | 63,1                                         | 67,1                                                                         | 65,3 | 62,6 | 60,3 | 59,7 | 62,2 | 63,8 | 53,9 |

| STT                                                   | Vị trí lao động                                               | Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá dBA | Mức áp suất âm ở các dải ốc-ta với tần số trung tâm (Hz) không vượt quá (dB) |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|                                                       |                                                               |                                              | 63                                                                           | 125  | 250  | 500  | 1K   | 2K   | 4K   | 8K   |
| QCVN 24:2016/BYT<br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                               |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp  |                                                               | ≤ 85                                         | ≤ 99                                                                         | ≤ 92 | ≤ 86 | ≤ 83 | ≤ 80 | ≤ 78 | ≤ 76 | ≤ 74 |
| 2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch |                                                               | ≤ 65                                         | ≤ 83                                                                         | ≤ 74 | ≤ 68 | ≤ 63 | ≤ 60 | ≤ 57 | ≤ 55 | ≤ 54 |
|                                                       | CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện     |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 135                                                   | Văn phòng                                                     | 59,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 136                                                   | Khu vực bán hàng                                              | 79,8                                         | 72,7                                                                         | 65,3 | 64,1 | 70,1 | 69,1 | 62,9 | 55,4 | 53,1 |
|                                                       | CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Pưh |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 137                                                   | Văn phòng                                                     | 61,5                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 138                                                   | Khu vực bán hàng                                              | 76,5                                         | 74,2                                                                         | 75,7 | 73,6 | 65,2 | 63,6 | 65,1 | 60,3 | 52,5 |
|                                                       | CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le     |                                              |                                                                              |      |      |      |      |      |      |      |
| 139                                                   | Văn phòng                                                     | 59,8                                         | -                                                                            | -    | -    | -    | -    | -    | -    | -    |
| 140                                                   | Khu vực bán hàng                                              | 70,5                                         | 72,0                                                                         | 71,5 | 67,7 | 62,0 | 60,8 | 64,3 | 65,7 | 56,0 |

- **Tổng hợp kết quả quan trắc:** Tổng số mẫu ồn: 140 mẫu

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu ồn dải tần: 70 mẫu

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu.

## 2. RUNG CHUYỂN

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                   | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                   | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                           | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
|                                                              | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                               |                                  |                                 |                                   |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến</b>  |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 1                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,023 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,020 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>            |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 2                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,029 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,023 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>            |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 3                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,026 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,020 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 4                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,024 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,021 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên</b>           |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 5                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,025 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 6                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,023 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,016 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa</b>                       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 7                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | $0,029 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,025 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>      |                                  |                                 |                                   |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                                     | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                                     | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                                             | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 8                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,026 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa</b>                                         |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 9                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,025 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,019 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>                        |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 10                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,020 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,014 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (trái tuyến) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>            |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 11                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,023 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,017 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (phải tuyến) đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 12                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,034 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                                |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 13                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,031 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,026 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân</b>               |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 14                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,028 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,021 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân</b>                     |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 15                                                           | Khu vực bán hàng                                                                    | $0,018 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,015 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>                 |                                  |                                 |                                   |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                      | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                              | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 16                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,028 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông</b>                       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 17                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,028 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,023 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>           |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 18                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,026 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>    |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 19                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,023 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,018 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>     |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 20                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,025 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>        |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 21                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,027 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,019 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>              |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 22                                                           | Khu vực trạm xuất bộ                                                 | $0,049 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,035 \times 10^{-2}$            |                                 |
| 23                                                           | Khu vực sàn kiểm                                                     | $0,122 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,087 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 24                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,031 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                      | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                              | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 25                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 26                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,035 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 27                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,032 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 28                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,030 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,023 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>          |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 29                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,042 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,031 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P) ĐT 645, xã Tây Hòa</b>              |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 30                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,029 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,024 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 31                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,026 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,019 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>   |                                  |                                 |                                   |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                 | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                 | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                         | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 32                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>           |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 33                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,030 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,024 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 34                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,036 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,028 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>              |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 35                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,029 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,023 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>         |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 36                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,035 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,026 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>             |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 37                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,024 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 38                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,023 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,019 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 39                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,026 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,024 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 40                                                           | Khu vực bán hàng                                                | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,028 \times 10^{-2}$            |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                         | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                          | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                          |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|                                                              |                                                                         | $\leq 0,086$                     |                          | $\leq 0,06$                       |                          |
| Số TT                                                        | Vị trí quan trắc                                                        | Số mẫu đạt TC VSLĐ               | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ                | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                              | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                                  |                          |                                   |                          |
| 41                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,037 \times 10^{-2}$           |                          | $0,031 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Sông Hình - Km 88+240 (P) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                                  |                          |                                   |                          |
| 42                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,029 \times 10^{-2}$           |                          | $0,021 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Phước An - Km 119+900 (P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                                  |                          |                                   |                          |
| 43                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,032 \times 10^{-2}$           |                          | $0,025 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P) đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                                  |                          |                                   |                          |
| 44                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,033 \times 10^{-2}$           |                          | $0,025 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                                  |                          |                                   |                          |
| 45                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,029 \times 10^{-2}$           |                          | $0,022 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã Krông Pắc</b>                     |                                  |                          |                                   |                          |
| 46                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,035 \times 10^{-2}$           |                          | $0,027 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700 (P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                                  |                          |                                   |                          |
| 47                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | $0,034 \times 10^{-2}$           |                          | $0,026 \times 10^{-2}$            |                          |
|                                                              | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                   |                                  |                          |                                   |                          |
|                                                              | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>       |                                  |                          |                                   |                          |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                     | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                     | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                             | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 48                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,028 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,019 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 49                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,036 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                 |                                  |                                 |                                   |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn</b>                |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 50                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,042 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,033 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Ayun Pa</b>       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 51                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,029 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt, phường Ayun Pa</b>            |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 52                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,031 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,025 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Bôn - Đường Ngô Quyền, phường Ayun Pa</b>               |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 53                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,036 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,029 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol</b>                   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 54                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,047 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,030 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>          |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 55                                                           | Khu vực bán hàng                                                    | $0,035 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,030 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul</b>                     |                                  |                                 |                                   |                                 |

| <b>QCVN 27:2016/BYT</b><br>Giá trị cho phép tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Rung đứng</b><br><b>(m/s)</b> |                                 | <b>Rung ngang</b><br><b>(m/s)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                                                              |                                                                      | $\leq 0,086$                     |                                 | $\leq 0,06$                       |                                 |
| <b>Số TT</b>                                                 | <b>Vị trí quan trắc</b>                                              | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>        | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 56                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,035 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,027 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                   |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 57                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,032 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,022 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Ia Mron - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                 |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 58                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,036 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,030 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó</b>                       |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 59                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,035 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,028 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>          |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 60                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,037 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,029 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 61                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,037 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,023 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Pưh</b> |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 62                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,038 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,029 \times 10^{-2}$            |                                 |
|                                                              | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                                  |                                 |                                   |                                 |
| 63                                                           | Khu vực bán hàng                                                     | $0,033 \times 10^{-2}$           |                                 | $0,024 \times 10^{-2}$            |                                 |
| <b>Tổng số</b>                                               |                                                                      | <b>63</b>                        | <b>00</b>                       | <b>63</b>                         | <b>00</b>                       |

### III CÁC YẾU TỐ BỤI (mg/m<sup>3</sup>)

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                  | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>$\leq 8,0$ |                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------|
| STT                                                                                  | Vị trí lao động                                                  | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                        | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                      | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                              |                                                           |                          |
|                                                                                      | <b>Văn phòng công ty (157-159 Hùng Vương, phường Tuy Hòa)</b>    |                                                           |                          |
|                                                                                      | <b>Tầng 1</b>                                                    |                                                           |                          |
| 1                                                                                    | Phòng Tổ chức                                                    | 0,016                                                     |                          |
| 2                                                                                    | Phòng Lái xe- Tập vụ                                             | 0,022                                                     |                          |
|                                                                                      | <b>Tầng 2</b>                                                    |                                                           |                          |
| 3                                                                                    | Phòng Kỹ thuật                                                   | 0,020                                                     |                          |
| 4                                                                                    | Phòng Phó Giám Đốc                                               | 0,011                                                     |                          |
| 5                                                                                    | Phòng Giám Đốc                                                   | 0,010                                                     |                          |
| 6                                                                                    | Phòng Kinh doanh                                                 | 0,017                                                     |                          |
| 7                                                                                    | Phòng Tài chính – Kế toán                                        | 0,004                                                     |                          |
|                                                                                      | <b>Tầng 3</b>                                                    |                                                           |                          |
| 8                                                                                    | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                          | 0,015                                                     |                          |
| 9                                                                                    | Phòng Phó Giám đốc                                               | 0,016                                                     |                          |
|                                                                                      | <b>CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến</b> |                                                           |                          |
| 10                                                                                   | Văn phòng                                                        | 0,027                                                     |                          |
| 11                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 0,033                                                     |                          |
|                                                                                      | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                                                           |                          |
| 12                                                                                   | Văn phòng                                                        | 0,021                                                     |                          |
| 13                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                 | 0,057                                                     |                          |
|                                                                                      | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                                                           |                          |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                   | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>≤ 8,0 |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                            | <b>Số mẫu đạt<br/>TC VSLĐ</b>                        | <b>Số mẫu không<br/>đạt TC VSLĐ</b> |
| 14                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,027                                                |                                     |
| 15                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,036                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b> |                                                      |                                     |
| 16                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,026                                                |                                     |
| 17                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,050                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên</b>           |                                                      |                                     |
| 18                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,028                                                |                                     |
| 19                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,046                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>       |                                                      |                                     |
| 20                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,020                                                |                                     |
| 21                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,033                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa</b>                       |                                                      |                                     |
| 22                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,026                                                |                                     |
| 23                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,037                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>      |                                                      |                                     |
| 24                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,021                                                |                                     |
| 25                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,045                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa</b>                       |                                                      |                                     |
| 26                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,029                                                |                                     |
| 27                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                  | 0,050                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>      |                                                      |                                     |
| 28                                                                                   | Văn phòng                                                         | 0,016                                                |                                     |

| <p align="center"><b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br/>           Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc</p> |                                                                            | <p align="center"><b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b></p> |                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                                        |                                                                            | ≤ 8,0                                                             |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                             | <b>Vị trí lao động</b>                                                     | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                                         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 29                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,034                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>                |                                                                   |                                 |
| 30                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,015                                                             |                                 |
| 31                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,026                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (T) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>            |                                                                   |                                 |
| 32                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,017                                                             |                                 |
| 33                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,033                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (P) Đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước</b> |                                                                   |                                 |
| 34                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,026                                                             |                                 |
| 35                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,035                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                       |                                                                   |                                 |
| 36                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,017                                                             |                                 |
| 37                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,030                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân</b>      |                                                                   |                                 |
| 38                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,027                                                             |                                 |
| 39                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,058                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân</b>            |                                                                   |                                 |
| 40                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,027                                                             |                                 |
| 41                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,066                                                             |                                 |
|                                                                                                                        | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>        |                                                                   |                                 |
| 42                                                                                                                     | Văn phòng                                                                  | 0,029                                                             |                                 |
| 43                                                                                                                     | Khu vực bán hàng                                                           | 0,032                                                             |                                 |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>≤ 8,0 |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                               | <b>Số mẫu đạt<br/>TC VSLĐ</b>                        | <b>Số mẫu không<br/>đạt TC VSLĐ</b> |
|                                                                                      | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông</b>                       |                                                      |                                     |
| 44                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,028                                                |                                     |
| 45                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,046                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>           |                                                      |                                     |
| 46                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,030                                                |                                     |
| 47                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,045                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>    |                                                      |                                     |
| 48                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,036                                                |                                     |
| 49                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,057                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>     |                                                      |                                     |
| 50                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,031                                                |                                     |
| 51                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,057                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>        |                                                      |                                     |
| 52                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,037                                                |                                     |
| 53                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,066                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>              |                                                      |                                     |
| 54                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,032                                                |                                     |
| 55                                                                                   | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                               | 0,021                                                |                                     |
| 56                                                                                   | Phòng Giám Đốc Kho                                                   | 0,034                                                |                                     |
| 57                                                                                   | Khu vực trạm xuất bộ                                                 | 0,654                                                |                                     |
| 58                                                                                   | Khu vực sàn kiểm                                                     | 0,698                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                                      |                                     |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>≤ 8,0 |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                               | <b>Số mẫu đạt<br/>TC VSLĐ</b>                        | <b>Số mẫu không<br/>đạt TC VSLĐ</b> |
| 59                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,037                                                |                                     |
| 60                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,052                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                                      |                                     |
| 61                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,038                                                |                                     |
| 62                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,065                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                                                      |                                     |
| 63                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,048                                                |                                     |
| 64                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,069                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                                                      |                                     |
| 65                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,037                                                |                                     |
| 66                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,068                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                                                      |                                     |
| 67                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,037                                                |                                     |
| 68                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,066                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P) ĐT 645, xã Tây Hòa</b>              |                                                      |                                     |
| 69                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,029                                                |                                     |
| 70                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,052                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>       |                                                      |                                     |
| 71                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,038                                                |                                     |
| 72                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                     | 0,066                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>   |                                                      |                                     |
| 73                                                                                   | Văn phòng                                                            | 0,030                                                |                                     |

| <p align="center"><b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br/>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc</p> |                                                                 | <p><b>Bụi toàn phần</b><br/><b>(mg/m<sup>3</sup>)</b></p> |                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                                                                             |                                                                 | ≤ 8,0                                                     |                                 |
| <b>STT</b>                                                                                                  | <b>Vị trí lao động</b>                                          | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                                 | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 74                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,055                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>           |                                                           |                                 |
| 75                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,037                                                     |                                 |
| 76                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,088                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>       |                                                           |                                 |
| 77                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,047                                                     |                                 |
| 78                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,076                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>              |                                                           |                                 |
| 79                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,039                                                     |                                 |
| 80                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,057                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>         |                                                           |                                 |
| 81                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,038                                                     |                                 |
| 82                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,056                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>             |                                                           |                                 |
| 83                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,032                                                     |                                 |
| 84                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,067                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b> |                                                           |                                 |
| 85                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,029                                                     |                                 |
| 86                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,051                                                     |                                 |
|                                                                                                             | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>   |                                                           |                                 |
| 87                                                                                                          | Văn phòng                                                       | 0,029                                                     |                                 |
| 88                                                                                                          | Khu vực bán hàng                                                | 0,058                                                     |                                 |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                         | <b>Bụi toàn phần</b><br><b>(mg/m<sup>3</sup>)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                                                      |                                                                         | ≤ 8,0                                             |                                 |
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                                  | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
|                                                                                      | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>           |                                                   |                                 |
| 89                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,038                                             |                                 |
| 90                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                        | 0,076                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                                                   |                                 |
| 91                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,033                                             |                                 |
| 92                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                        | 0,067                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Sông Hình - Km 88+240 (P) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                                                   |                                 |
| 93                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,038                                             |                                 |
| 94                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                        | 0,067                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Phước An - Km 119+900 (P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                                                   |                                 |
| 95                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,039                                             |                                 |
| 96                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                        | 0,075                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P) đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                                                   |                                 |
| 97                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,037                                             |                                 |
| 98                                                                                   | Khu vực bán hàng                                                        | 0,059                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã Krông Pắc</b>                     |                                                   |                                 |
| 99                                                                                   | Văn phòng                                                               | 0,029                                             |                                 |
| 100                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,055                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                                                   |                                 |
| 101                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,026                                             |                                 |
| 102                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,046                                             |                                 |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                         | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>≤ 8,0 |                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                                  | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                            | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
|                                                                                      | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700 (P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                                                      |                                 |
| 103                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,033                                                |                                 |
| 104                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,077                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                   |                                                      |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>       |                                                      |                                 |
| 105                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,038                                                |                                 |
| 106                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,057                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b>     |                                                      |                                 |
| 107                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,039                                                |                                 |
| 108                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,067                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                     |                                                      |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn</b>                    |                                                      |                                 |
| 109                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,029                                                |                                 |
| 110                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,061                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>              |                                                      |                                 |
| 111                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,037                                                |                                 |
| 112                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,089                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol</b>                       |                                                      |                                 |
| 113                                                                                  | Văn phòng                                                               | 0,027                                                |                                 |
| 114                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                        | 0,077                                                |                                 |
|                                                                                      | <b>Văn phòng Chi nhánh Gia Lai - 441B Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa</b> |                                                      |                                 |
| 115                                                                                  | Phòng Phó Giám Đốc                                                      | 0,039                                                |                                 |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                   | <b>Bụi toàn phần<br/>(mg/m<sup>3</sup>)</b><br>≤ 8,0 |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                            | <b>Số mẫu đạt<br/>TC VSLĐ</b>                        | <b>Số mẫu không<br/>đạt TC VSLĐ</b> |
| 116                                                                                  | Phòng làm việc tầng 1                                             | 0,037                                                |                                     |
| 117                                                                                  | Phòng làm việc tầng 2                                             | 0,028                                                |                                     |
| 118                                                                                  | Phòng Giám Đốc                                                    | 0,047                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân,<br/>phường Ayun Pa</b> |                                                      |                                     |
| 119                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,029                                                |                                     |
| 120                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                  | 0,037                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt,<br/>phường Ayun Pa</b>      |                                                      |                                     |
| 121                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,029                                                |                                     |
| 122                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                  | 0,050                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Bồn - Đường Ngô Quyền,<br/>phường Ayun Pa</b>         |                                                      |                                     |
| 123                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,030                                                |                                     |
| 124                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                  | 0,045                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul</b>                   |                                                      |                                     |
| 125                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,047                                                |                                     |
| 126                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                  | 0,057                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                |                                                      |                                     |
| 127                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,027                                                |                                     |
| 128                                                                                  | Phòng Giám Đốc                                                    | 0,050                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>               |                                                      |                                     |
| 129                                                                                  | Văn phòng                                                         | 0,032                                                |                                     |
| 130                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                  | 0,056                                                |                                     |
|                                                                                      | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó</b>                    |                                                      |                                     |

| <b>QCVN 02 : 2019/BYT</b><br>Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc |                                                                      | <b>Bụi toàn phần</b><br><b>(mg/m<sup>3</sup>)</b> |                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                                                      |                                                                      | ≤ 8,0                                             |                                 |
| <b>STT</b>                                                                           | <b>Vị trí lao động</b>                                               | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                         | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 131                                                                                  | Văn phòng                                                            | 0,029                                             |                                 |
| 132                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                     | 0,048                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>          |                                                   |                                 |
| 133                                                                                  | Văn phòng                                                            | 0,037                                             |                                 |
| 134                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                     | 0,073                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                                                   |                                 |
| 135                                                                                  | Văn phòng                                                            | 0,028                                             |                                 |
| 136                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                     | 0,045                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Puh</b> |                                                   |                                 |
| 137                                                                                  | Văn phòng                                                            | 0,037                                             |                                 |
| 138                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                     | 0,058                                             |                                 |
|                                                                                      | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                                                   |                                 |
| 139                                                                                  | Văn phòng                                                            | 0,027                                             |                                 |
| 140                                                                                  | Khu vực bán hàng                                                     | 0,066                                             |                                 |
| <b>Tổng số</b>                                                                       |                                                                      | <b>140</b>                                        | <b>00</b>                       |

#### IV. HƠI KHÍ ĐỘC

##### 1. KHÍ CO<sub>2</sub>, CO

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                  | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                  | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                 | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                              |                                         |                          |                            |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Văn phòng công ty (157-159 Hùng Vương, phường Tuy Hòa)</b>    |                                         |                          |                            |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tầng 1</b>                                                    |                                         |                          |                            |                          |
| 1                                                                                                                                             | Phòng Tổ chức                                                    | 1479                                    |                          | KPH                        |                          |
| 2                                                                                                                                             | Phòng Lái xe- Tạp vụ                                             | 1421                                    |                          | KPH                        |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tầng 2</b>                                                    |                                         |                          |                            |                          |
| 3                                                                                                                                             | Phòng Kỹ thuật                                                   | 1377                                    |                          | KPH                        |                          |
| 4                                                                                                                                             | Phòng Phó Giám Đốc                                               | 1244                                    |                          | KPH                        |                          |
| 5                                                                                                                                             | Phòng Giám Đốc                                                   | 993                                     |                          | KPH                        |                          |
| 6                                                                                                                                             | Phòng Kinh doanh                                                 | 1601                                    |                          | KPH                        |                          |
| 7                                                                                                                                             | Phòng Tài chính – Kế toán                                        | 1758                                    |                          | KPH                        |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tầng 3</b>                                                    |                                         |                          |                            |                          |
| 8                                                                                                                                             | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                          | 1545                                    |                          | KPH                        |                          |
| 9                                                                                                                                             | Phòng Phó Giám đốc                                               | 1640                                    |                          | KPH                        |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 10                                                                                                                                            | Văn phòng                                                        | 954                                     |                          | KPH                        |                          |
| 11                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                 | 843                                     |                          | 2,10                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                                         |                          |                            |                          |
| 12                                                                                                                                            | Văn phòng                                                        | 921                                     |                          | KPH                        |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                   | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                   | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                  | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 13                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 889                                     |                          | 1,65                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>            |                                         |                          |                            |                          |
| 14                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 853                                     |                          | KPH                        |                          |
| 15                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 789                                     |                          | 2,25                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 16                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 823                                     |                          | KPH                        |                          |
| 17                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 763                                     |                          | 1,42                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên</b>           |                                         |                          |                            |                          |
| 18                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 812                                     |                          | KPH                        |                          |
| 19                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 776                                     |                          | 1,25                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>       |                                         |                          |                            |                          |
| 20                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 21                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 741                                     |                          | 2,16                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa</b>                       |                                         |                          |                            |                          |
| 22                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 826                                     |                          | KPH                        |                          |
| 23                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 782                                     |                          | 1,36                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>      |                                         |                          |                            |                          |
| 24                                                                                                                                            | Văn phòng                                                         | 879                                     |                          | KPH                        |                          |
| 25                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                  | 812                                     |                          | 1,22                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa</b>                       |                                         |                          |                            |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                            | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                            | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                           | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 26                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 892                                     |                          | KPH                        |                          |
| 27                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 751                                     |                          | 1,95                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>               |                                         |                          |                            |                          |
| 28                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 911                                     |                          | KPH                        |                          |
| 29                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 823                                     |                          | 1,76                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>                |                                         |                          |                            |                          |
| 30                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 876                                     |                          | KPH                        |                          |
| 31                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 721                                     |                          | 1,74                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (T) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>            |                                         |                          |                            |                          |
| 32                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 814                                     |                          | KPH                        |                          |
| 33                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 756                                     |                          | 2,23                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (P) Đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 34                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 881                                     |                          | KPH                        |                          |
| 35                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 723                                     |                          | 1,46                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                       |                                         |                          |                            |                          |
| 36                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 871                                     |                          | KPH                        |                          |
| 37                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 756                                     |                          | 1,36                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân</b>      |                                         |                          |                            |                          |
| 38                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                  | 826                                     |                          | KPH                        |                          |
| 39                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                           | 795                                     |                          | 1,25                       |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                         | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                         | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                        | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T)<br/>Quốc lộ 19C, xã Đông Xuân</b>     |                                         |                          |                            |                          |
| 40                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 41                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 712                                     |                          | 2,15                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560<br/>(P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 42                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 836                                     |                          | KPH                        |                          |
| 43                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 702                                     |                          | 1,76                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông</b>                          |                                         |                          |                            |                          |
| 44                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 809                                     |                          | KPH                        |                          |
| 45                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 723                                     |                          | 1,51                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>              |                                         |                          |                            |                          |
| 46                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 851                                     |                          | KPH                        |                          |
| 47                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 752                                     |                          | 2,10                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P)<br/>Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>   |                                         |                          |                            |                          |
| 48                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 896                                     |                          | KPH                        |                          |
| 49                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 782                                     |                          | 1,23                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800<br/>(P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>    |                                         |                          |                            |                          |
| 50                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 813                                     |                          | KPH                        |                          |
| 51                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                        | 763                                     |                          | 1,75                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P)<br/>Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>       |                                         |                          |                            |                          |
| 52                                                                                                                                            | Văn phòng                                                               | 856                                     |                          | KPH                        |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                      | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                      | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                     | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 53                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 770                                     |                          | 2,13                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>              |                                         |                          |                            |                          |
| 54                                                                                                                                            | Văn phòng                                                            | 1099                                    |                          | KPH                        |                          |
| 55                                                                                                                                            | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                               | 946                                     |                          | KPH                        |                          |
| 56                                                                                                                                            | Phòng Giám Đốc Kho                                                   | 979                                     |                          | KPH                        |                          |
| 57                                                                                                                                            | Khu vực trạm xuất bộ                                                 | 871                                     |                          | 15,91                      |                          |
| 58                                                                                                                                            | Khu vực sàn kiểm                                                     | 882                                     |                          | 10,37                      |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 59                                                                                                                                            | Văn phòng                                                            | 817                                     |                          | KPH                        |                          |
| 60                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 751                                     |                          | 2,24                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 61                                                                                                                                            | Văn phòng                                                            | 880                                     |                          | KPH                        |                          |
| 62                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 793                                     |                          | 1,46                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                                         |                          |                            |                          |
| 63                                                                                                                                            | Văn phòng                                                            | 811                                     |                          | KPH                        |                          |
| 64                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 750                                     |                          | 2,05                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                                         |                          |                            |                          |
| 65                                                                                                                                            | Văn phòng                                                            | 824                                     |                          | KPH                        |                          |
| 66                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 766                                     |                          | 1,65                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                                         |                          |                            |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                        | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                        | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                       | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 67                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 840                                     |                          | KPH                        |                          |
| 68                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 721                                     |                          | 2,06                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P)<br/>ĐT 645, xã Tây Hòa</b>            |                                         |                          |                            |                          |
| 69                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 841                                     |                          | KPH                        |                          |
| 70                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 756                                     |                          | 1,72                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P)<br/>Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>     |                                         |                          |                            |                          |
| 71                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 836                                     |                          | KPH                        |                          |
| 72                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 795                                     |                          | 2,36                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T)<br/>Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 73                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 816                                     |                          | KPH                        |                          |
| 74                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 702                                     |                          | 1,35                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>                  |                                         |                          |                            |                          |
| 75                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 76                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 793                                     |                          | 2,08                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>              |                                         |                          |                            |                          |
| 77                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 810                                     |                          | KPH                        |                          |
| 78                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 759                                     |                          | 1,43                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>                     |                                         |                          |                            |                          |
| 79                                                                                                                                            | Văn phòng                                                              | 846                                     |                          | KPH                        |                          |
| 80                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                       | 805                                     |                          | 2,21                       |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                 | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                 | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>         |                                         |                          |                            |                          |
| 81                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 851                                     |                          | KPH                        |                          |
| 82                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 796                                     |                          | 1,35                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>             |                                         |                          |                            |                          |
| 83                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 806                                     |                          | KPH                        |                          |
| 84                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 795                                     |                          | 1,26                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 85                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 855                                     |                          | KPH                        |                          |
| 86                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 722                                     |                          | 2,10                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>   |                                         |                          |                            |                          |
| 87                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 810                                     |                          | KPH                        |                          |
| 88                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 755                                     |                          | 1,36                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>   |                                         |                          |                            |                          |
| 89                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 872                                     |                          | KPH                        |                          |
| 90                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 723                                     |                          | 1,75                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T) Quốc lộ 29, xã Sông Hinh</b>  |                                         |                          |                            |                          |
| 91                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 801                                     |                          | KPH                        |                          |
| 92                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                | 781                                     |                          | 1,82                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sông Hinh - Km 88+240 (P) Quốc lộ 29, xã Sông Hinh</b>  |                                         |                          |                            |                          |
| 93                                                                                                                                            | Văn phòng                                                       | 826                                     |                          | KPH                        |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                             | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                             | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                            | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 94                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 725                                     |                          | 1,20                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phước An - Km 119+900 (P)<br/>Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                                         |                          |                            |                          |
| 95                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                   | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 96                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 712                                     |                          | 1,74                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P)<br/>đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 97                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                   | 879                                     |                          | KPH                        |                          |
| 98                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 765                                     |                          | 2,15                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã Krông Pắc</b>                         |                                         |                          |                            |                          |
| 99                                                                                                                                            | Văn phòng                                                                   | 896                                     |                          | KPH                        |                          |
| 100                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                            | 736                                     |                          | 5,48                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P)<br/>Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                                         |                          |                            |                          |
| 101                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                   | 806                                     |                          | KPH                        |                          |
| 102                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                            | 712                                     |                          | 1,49                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700 (P)<br/>Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                                         |                          |                            |                          |
| 103                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                   | 873                                     |                          | KPH                        |                          |
| 104                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                            | 812                                     |                          | 1,39                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                       |                                         |                          |                            |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P)<br/>Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>       |                                         |                          |                            |                          |
| 105                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                   | 890                                     |                          | KPH                        |                          |
| 106                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                            | 825                                     |                          | 2,21                       |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                         | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                         | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                        | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b>     |                                         |                          |                            |                          |
| 107                                                                                                                                           | Văn phòng                                                               | 814                                     |                          | KPH                        |                          |
| 108                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | 750                                     |                          | 1,64                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                     |                                         |                          |                            |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn</b>                    |                                         |                          |                            |                          |
| 109                                                                                                                                           | Văn phòng                                                               | 821                                     |                          | KPH                        |                          |
| 110                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | 783                                     |                          | 2,04                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>              |                                         |                          |                            |                          |
| 111                                                                                                                                           | Văn phòng                                                               | 851                                     |                          | KPH                        |                          |
| 112                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | 776                                     |                          | 2,38                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol</b>                       |                                         |                          |                            |                          |
| 113                                                                                                                                           | Văn phòng                                                               | 806                                     |                          | KPH                        |                          |
| 114                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                        | 795                                     |                          | 1,88                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Văn phòng Chi nhánh Gia Lai - 441B Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 115                                                                                                                                           | Phòng Phó Giám Đốc                                                      | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 116                                                                                                                                           | Phòng làm việc tầng 1                                                   | 972                                     |                          | KPH                        |                          |
| 117                                                                                                                                           | Phòng làm việc tầng 2                                                   | 970                                     |                          | KPH                        |                          |
| 118                                                                                                                                           | Phòng Giám Đốc                                                          | 823                                     |                          | KPH                        |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Ayun Pa</b>           |                                         |                          |                            |                          |
| 119                                                                                                                                           | Văn phòng                                                               | 861                                     |                          | KPH                        |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                             | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                             | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                            | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 120                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 723                                     |                          | 1,63                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt, phường Ayun Pa</b>    |                                         |                          |                            |                          |
| 121                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 871                                     |                          | KPH                        |                          |
| 122                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 756                                     |                          | 1,84                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Bồn - Đường Ngô Quyền, phường Ayun Pa</b>       |                                         |                          |                            |                          |
| 123                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 826                                     |                          | KPH                        |                          |
| 124                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 790                                     |                          | 2,16                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul</b>             |                                         |                          |                            |                          |
| 125                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 856                                     |                          | KPH                        |                          |
| 126                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 782                                     |                          | 2,22                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>          |                                         |                          |                            |                          |
| 127                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 881                                     |                          | KPH                        |                          |
| 128                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 711                                     |                          | 1,69                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>         |                                         |                          |                            |                          |
| 129                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 811                                     |                          | KPH                        |                          |
| 130                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 723                                     |                          | 5,19                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó</b>              |                                         |                          |                            |                          |
| 131                                                                                                                                           | Văn phòng                                                   | 871                                     |                          | KPH                        |                          |
| 132                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                            | 756                                     |                          | 2,06                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b> |                                         |                          |                            |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                          | CO <sub>2</sub><br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | CO<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                          | ≤ 18000                                 |                          | ≤ 40                       |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                         | Số mẫu đạt TC VSLĐ                      | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ         | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 133                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                | 806                                     |                          | KPH                        |                          |
| 134                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                         | 793                                     |                          | 1,61                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T)<br/>Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                                         |                          |                            |                          |
| 135                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                | 850                                     |                          | KPH                        |                          |
| 136                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                         | 712                                     |                          | 2,13                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P)<br/>Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Puh</b> |                                         |                          |                            |                          |
| 137                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                | 811                                     |                          | KPH                        |                          |
| 138                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                         | 781                                     |                          | 1,36                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P)<br/>Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                                         |                          |                            |                          |
| 139                                                                                                                                           | Văn phòng                                                                | 817                                     |                          | KPH                        |                          |
| 140                                                                                                                                           | Khu vực bán hàng                                                         | 750                                     |                          | 2,12                       |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tổng số</b>                                                           | <b>140</b>                              | <b>00</b>                | <b>140</b>                 | <b>00</b>                |

- KPH: Không phát hiện.

## 2. KHÍ VOC, Toluen

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                   | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                   | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                  | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                               |                             |                          |                                |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến</b>  |                             |                          |                                |                          |
| 1                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 1,88                        |                          | 0,83                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 2                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 6,98                        |                          | 3,78                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 3                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 3,32                        |                          | 1,16                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b> |                             |                          |                                |                          |
| 4                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 2,57                        |                          | 1,08                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên</b>           |                             |                          |                                |                          |
| 5                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 3,04                        |                          | 0,95                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>       |                             |                          |                                |                          |
| 6                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 2,63                        |                          | 1,33                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa</b>                       |                             |                          |                                |                          |
| 7                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 2,71                        |                          | 1,53                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>      |                             |                          |                                |                          |
| 8                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                  | 2,62                        |                          | 1,48                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa</b>                       |                             |                          |                                |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                                     | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                                     | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                                    | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 9                                                                                                                                             | Khu vực bán hàng                                                                    | 2,56                        |                          | 1,32                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>                        |                             |                          |                                |                          |
| 10                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 2,25                        |                          | 0,86                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (trái tuyến) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 11                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 2,10                        |                          | 0,75                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (phải tuyến) đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước</b> |                             |                          |                                |                          |
| 12                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 1,86                        |                          | 0,63                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                                |                             |                          |                                |                          |
| 13                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 1,95                        |                          | 0,71                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân</b>               |                             |                          |                                |                          |
| 14                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 2,16                        |                          | 0,83                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân</b>                     |                             |                          |                                |                          |
| 15                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 1,65                        |                          | 0,72                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>                 |                             |                          |                                |                          |
| 16                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 2,11                        |                          | 1,20                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông</b>                                      |                             |                          |                                |                          |
| 17                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                                    | 1,68                        |                          | 1,06                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>                          |                             |                          |                                |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                      | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                      | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                     | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 18                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 2,04                        |                          | 1,23                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>    |                             |                          |                                |                          |
| 19                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 2,28                        |                          | 1,25                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>     |                             |                          |                                |                          |
| 20                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,68                        |                          | 0,81                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>        |                             |                          |                                |                          |
| 21                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,71                        |                          | 0,93                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>              |                             |                          |                                |                          |
| 22                                                                                                                                            | Khu vực trạm xuất bộ                                                 | 3,64                        |                          | 1,78                           |                          |
| 23                                                                                                                                            | Khu vực sân kiểm                                                     | 10,82                       |                          | 3,56                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                             |                          |                                |                          |
| 24                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,65                        |                          | 0,97                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                             |                          |                                |                          |
| 25                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,32                        |                          | 0,76                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                             |                          |                                |                          |
| 26                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,68                        |                          | 0,85                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                             |                          |                                |                          |
| 27                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,92                        |                          | 0,76                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                             |                          |                                |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                    | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                    | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                   | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 28                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,43                        |                          | 0,67                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>        |                             |                          |                                |                          |
| 29                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,32                        |                          | 0,65                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P) ĐT 645, xã Tây Hòa</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 30                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,26                        |                          | 0,54                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>     |                             |                          |                                |                          |
| 31                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,38                        |                          | 0,69                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b> |                             |                          |                                |                          |
| 32                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,41                        |                          | 0,72                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>              |                             |                          |                                |                          |
| 33                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,25                        |                          | 0,56                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 34                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,33                        |                          | 0,59                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>                 |                             |                          |                                |                          |
| 35                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,27                        |                          | 0,58                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 36                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,37                        |                          | 0,62                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>                |                             |                          |                                |                          |
| 37                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                   | 1,43                        |                          | 0,70                           |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                             | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                             | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                            | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35<br/>(T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>         |                             |                          |                                |                          |
| 38                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,56                        |                          | 0,75                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670<br/>(P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>           |                             |                          |                                |                          |
| 39                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,68                        |                          | 0,82                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600<br/>(P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>           |                             |                          |                                |                          |
| 40                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,64                        |                          | 0,79                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T)<br/>Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 41                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 0,168                       |                          | 0,80                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Sông Hình - Km 88+240<br/>(P) Quốc lộ 29, xã Sông Hình</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 42                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,81                        |                          | 0,86                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phước An - Km 119+900<br/>(P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 43                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,30                        |                          | 0,56                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900<br/>(P) đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                             |                          |                                |                          |
| 44                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 0,98                        |                          | 0,32                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800<br/>(P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 45                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,23                        |                          | 0,48                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11,<br/>xã Krông Pắc</b>                     |                             |                          |                                |                          |
| 46                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                            | 1,35                        |                          | 0,52                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700<br/>(P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                             |                          |                                |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                     | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                     | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                    | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
| 47                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 0,86                        |                          | 0,26                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                               |                             |                          |                                |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>   |                             |                          |                                |                          |
| 48                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 0,83                        |                          | 0,25                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b> |                             |                          |                                |                          |
| 49                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 0,94                        |                          | 0,30                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                 |                             |                          |                                |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn</b>                |                             |                          |                                |                          |
| 50                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 0,88                        |                          | 0,32                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Ayun Pa</b>       |                             |                          |                                |                          |
| 51                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 1,20                        |                          | 0,45                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt, phường Ayun Pa</b>            |                             |                          |                                |                          |
| 52                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 1,36                        |                          | 0,57                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Bổn - Đường Ngô Quyền, phường Ayun Pa</b>               |                             |                          |                                |                          |
| 53                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 1,41                        |                          | 0,59                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol</b>                   |                             |                          |                                |                          |
| 54                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 1,34                        |                          | 0,63                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 55                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                    | 1,22                        |                          | 0,59                           |                          |

| Tên Hóa chất                                                                                                                                  |                                                                      | VOC<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          | Toluen<br>(mg/m <sup>3</sup> ) |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| <b>QCVN 03:2019/BYT</b><br><i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i> |                                                                      | -                           |                          | ≤ 300                          |                          |
| STT                                                                                                                                           | Vị trí quan trắc                                                     | Số mẫu đạt TC VSLĐ          | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ             | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul</b>                      |                             |                          |                                |                          |
| 56                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,37                        |                          | 0,65                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                   |                             |                          |                                |                          |
| 57                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,41                        |                          | 0,68                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                  |                             |                          |                                |                          |
| 58                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,31                        |                          | 0,59                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó</b>                       |                             |                          |                                |                          |
| 59                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,43                        |                          | 0,66                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>          |                             |                          |                                |                          |
| 60                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,32                        |                          | 0,55                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                             |                          |                                |                          |
| 61                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,15                        |                          | 0,48                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Pưh</b> |                             |                          |                                |                          |
| 62                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,46                        |                          | 0,63                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                             |                          |                                |                          |
| 63                                                                                                                                            | Khu vực bán hàng                                                     | 1,21                        |                          | 0,58                           |                          |
|                                                                                                                                               | <b>Tổng cộng</b>                                                     | <b>63</b>                   | <b>00</b>                | <b>63</b>                      | <b>00</b>                |

**V. YẾU TỐ PHÓNG XẠ, ĐIỆN TỪ TRƯỜNG  
- ĐIỆN TỪ TRƯỜNG**

| <b>QCVN 25:2016/BYT</b>                  |                                                                  | <b>Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc</b> |                                 |                                 |                                 |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giới hạn cho phép</b>                 |                                                                  | <b>&lt; 5000 (V/m)</b>                                                          |                                 | <b>&lt; 400 (A/m)</b>           |                                 |
| <b>Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)</b> |                                                                  | <b>Không hạn chế</b>                                                            |                                 | <b>08</b>                       |                                 |
| <b>STT</b>                               | <b>Vị trí lao động</b>                                           | <b>Cường độ điện trường (V/m)</b>                                               |                                 | <b>Cường độ từ trường (A/m)</b> |                                 |
|                                          |                                                                  | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                                                       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
|                                          | <b>Tỉnh Đắk Lắk</b>                                              |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
|                                          | <b>Văn phòng công ty (157-159 Hùng Vương, phường Tuy Hòa)</b>    |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
|                                          | <b>Tầng 1</b>                                                    |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 1                                        | Phòng Tổ chức                                                    | 131                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
| 2                                        | Phòng Lái xe- Tạp vụ                                             | 86                                                                              |                                 | 06                              |                                 |
|                                          | <b>Tầng 2</b>                                                    |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 3                                        | Phòng Kỹ thuật                                                   | 143                                                                             |                                 | 11                              |                                 |
| 4                                        | Phòng Phó Giám Đốc                                               | 132                                                                             |                                 | 10                              |                                 |
| 5                                        | Phòng Giám Đốc                                                   | 136                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
| 6                                        | Phòng Kinh doanh                                                 | 153                                                                             |                                 | 15                              |                                 |
| 7                                        | Phòng Tài chính – Kế toán                                        | 150                                                                             |                                 | 14                              |                                 |
|                                          | <b>Tầng 3</b>                                                    |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 8                                        | Phòng Kế hoạch – Đầu tư                                          | 146                                                                             |                                 | 12                              |                                 |
| 9                                        | Phòng Phó Giám đốc                                               | 105                                                                             |                                 | 10                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Bình Kiến - Đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Kiến</b> |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 10                                       | Văn phòng                                                        | 134                                                                             |                                 | 08                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD 224 - 224 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 11                                       | Văn phòng                                                        | 122                                                                             |                                 | 06                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD 229 - 229 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>           |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 12                                       | Văn phòng                                                        | 134                                                                             |                                 | 08                              |                                 |

| QCVN 25:2016/BYT                  |                                                                                     | Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc |                          |                          |                          |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giới hạn cho phép                 |                                                                                     | < 5000 (V/m)                                                             |                          | < 400 (A/m)              |                          |
| Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ) |                                                                                     | Không hạn chế                                                            |                          | 08                       |                          |
| STT                               | Vị trí lao động                                                                     | Cường độ điện trường (V/m)                                               |                          | Cường độ từ trường (A/m) |                          |
|                                   |                                                                                     | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                                       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                   | <b>CHXD An Phú - Km 1322+350 (P) Quốc lộ 1A, phường Bình Kiến</b>                   |                                                                          |                          |                          |                          |
| 13                                | Văn phòng                                                                           | 135                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Phú Đông - Đường Hùng Vương, phường Phú Yên</b>                             |                                                                          |                          |                          |                          |
| 14                                | Văn phòng                                                                           | 136                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Trung Tâm - 43 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa</b>                         |                                                                          |                          |                          |                          |
| 15                                | Văn phòng                                                                           | 141                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ân Niên - ĐH 21, phường Tuy Hòa</b>                                         |                                                                          |                          |                          |                          |
| 16                                | Văn phòng                                                                           | 120                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa An - Km 0+700 (P) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>                        |                                                                          |                          |                          |                          |
| 17                                | Văn phòng                                                                           | 136                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Trị - ĐH 22, phường Tuy Hòa</b>                                         |                                                                          |                          |                          |                          |
| 18                                | Văn phòng                                                                           | 135                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Phú Ân - Km 3+500 (T) Quốc lộ 25, phường Tuy Hòa</b>                        |                                                                          |                          |                          |                          |
| 19                                | Văn phòng                                                                           | 138                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Xuân Lãnh - Km 44+930 (trái tuyến) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>            |                                                                          |                          |                          |                          |
| 20                                | Văn phòng                                                                           | 105                                                                      |                          | 08                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Xuân Quang - Km 0+300 (phải tuyến) đường Phước Lộc – A20, xã Xuân Phước</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 21                                | Văn phòng                                                                           | 126                                                                      |                          | 09                       |                          |

| QCVN 25:2016/BYT                  |                                                                       | Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc |                          |                          |                          |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giới hạn cho phép                 |                                                                       | < 5000 (V/m)                                                             |                          | < 400 (A/m)              |                          |
| Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ) |                                                                       | Không hạn chế                                                            |                          | 08                       |                          |
| STT                               | Vị trí lao động                                                       | Cường độ điện trường (V/m)                                               |                          | Cường độ từ trường (A/m) |                          |
|                                   |                                                                       | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                                       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                   | <b>CHXD Xuân Quang 3 - Km 66+340 (P) Quốc lộ 19C</b>                  |                                                                          |                          |                          |                          |
| 22                                | Văn phòng                                                             | 137                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Đông La Hai - Km 12+100 (trái tuyến) ĐT 641, xã Đồng Xuân</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 23                                | Văn phòng                                                             | 133                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Xuân Long - Km 56+900 (T) Quốc lộ 19C, xã Đồng Xuân</b>       |                                                                          |                          |                          |                          |
| 24                                | Văn phòng                                                             | 130                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Nam Xuân Lãnh - Km 47+560 (P) Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãnh</b>   |                                                                          |                          |                          |                          |
| 25                                | Văn phòng                                                             | 138                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD An Ninh Tây - DH31, xã Tuy An Đông</b>                        |                                                                          |                          |                          |                          |
| 26                                | Văn phòng                                                             | 105                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD An Nghiệp - Km 2+350 (P) ĐT 650, xã Tuy An Tây</b>            |                                                                          |                          |                          |                          |
| 27                                | Văn phòng                                                             | 133                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Chí Thạnh - Km 1303+200 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>     |                                                                          |                          |                          |                          |
| 28                                | Văn phòng                                                             | 118                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ngân Sơn - Km 1300+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Bắc</b>      |                                                                          |                          |                          |                          |
| 29                                | Văn phòng                                                             | 136                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD An Mỹ - Km 1317+800 (P) Quốc lộ 1A, xã Tuy An Nam</b>         |                                                                          |                          |                          |                          |
| 30                                | Văn phòng                                                             | 125                                                                      |                          | 15                       |                          |

| QCVN 25:2016/BYT                  |                                                                      | Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc |                          |                          |                          |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giới hạn cho phép                 |                                                                      | < 5000 (V/m)                                                             |                          | < 400 (A/m)              |                          |
| Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ) |                                                                      | Không hạn chế                                                            |                          | 08                       |                          |
| STT                               | Vị trí lao động                                                      | Cường độ điện trường (V/m)                                               |                          | Cường độ từ trường (A/m) |                          |
|                                   |                                                                      | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                                       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                   | <b>Kho Xăng dầu Vũng Rô - Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân</b>              |                                                                          |                          |                          |                          |
| 31                                | Văn phòng                                                            | 137                                                                      |                          | 14                       |                          |
| 32                                | Phòng Phó Giám Đốc Kho                                               | 126                                                                      |                          | 13                       |                          |
| 33                                | Phòng Giám Đốc Kho                                                   | 130                                                                      |                          | 13                       |                          |
| 34                                | Khu vực trạm xuất bộ                                                 | 86                                                                       |                          | 25                       |                          |
| 35                                | Khu vực sàn kiểm                                                     | 79                                                                       |                          | 36                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Vinh 2 - Km 1341+200 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 36                                | Văn phòng                                                            | 133                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Vinh 1 - Km 1343+100 (T) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 37                                | Văn phòng                                                            | 142                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Vinh 3 - Km 31+830 (T) Quốc lộ 29, phường Đông Hòa</b>   |                                                                          |                          |                          |                          |
| 38                                | Văn phòng                                                            | 136                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Xuân Tây - Km 1346 (P) Quốc lộ 1A, phường Đông Hòa</b>   |                                                                          |                          |                          |                          |
| 39                                | Văn phòng                                                            | 125                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Xuân Đông - Km 1350+300 (P) Quốc lộ 1A, xã Hòa Xuân</b>  |                                                                          |                          |                          |                          |
| 40                                | Văn phòng                                                            | 135                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Thành - Km 2+200 (P) ĐT 645, phường Phú Yên</b>          |                                                                          |                          |                          |                          |
| 41                                | Văn phòng                                                            | 138                                                                      |                          | 13                       |                          |

| QCVN 25:2016/BYT                  |                                                                    | Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc |                          |                          |                          |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giới hạn cho phép                 |                                                                    | < 5000 (V/m)                                                             |                          | < 400 (A/m)              |                          |
| Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ) |                                                                    | Không hạn chế                                                            |                          | 08                       |                          |
| STT                               | Vị trí lao động                                                    | Cường độ điện trường (V/m)                                               |                          | Cường độ từ trường (A/m) |                          |
|                                   |                                                                    | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                                       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                   | <b>CHXD Ga Gò Mắm - Km 8+700 (P) ĐT 645, xã Tây Hòa</b>            |                                                                          |                          |                          |                          |
| 42                                | Văn phòng                                                          | 125                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Sơn Thành - Km 58+500 (P) Quốc lộ 29, xã Sơn Thành</b>     |                                                                          |                          |                          |                          |
| 43                                | Văn phòng                                                          | 120                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Định Tây - Km 22+500 (T) Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 44                                | Văn phòng                                                          | 117                                                                      |                          | 10                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Hòa Hội - Km 30 Quốc lộ 25, xã Hòa Vinh 1</b>              |                                                                          |                          |                          |                          |
| 45                                | Văn phòng                                                          | 136                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Sơn Nguyên - Km 39+850 (P) ĐT 650, xã Sơn Hòa</b>          |                                                                          |                          |                          |                          |
| 46                                | Văn phòng                                                          | 129                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Củng Sơn - Khu phố Tây Hòa, xã Sơn Hòa</b>                 |                                                                          |                          |                          |                          |
| 47                                | Văn phòng                                                          | 133                                                                      |                          | 14                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Sơn Long - Km 22+970 (P) ĐT 643, xã Vân Hòa</b>            |                                                                          |                          |                          |                          |
| 48                                | Văn phòng                                                          | 120                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Sơn Hòa - Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa</b>                |                                                                          |                          |                          |                          |
| 49                                | Văn phòng                                                          | 110                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ea Chà Rang - Km 51+35 (T) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>    |                                                                          |                          |                          |                          |
| 50                                | Văn phòng                                                          | 130                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Krông Pa - Km 66+670 (P) Quốc lộ 25, xã Suối Trai</b>      |                                                                          |                          |                          |                          |

| <b>QCVN 25:2016/BYT</b>                  |                                                                         | <b>Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc</b> |                                 |                                 |                                 |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giới hạn cho phép</b>                 |                                                                         | <b>&lt; 5000 (V/m)</b>                                                          |                                 | <b>&lt; 400 (A/m)</b>           |                                 |
| <b>Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)</b> |                                                                         | <b>Không hạn chế</b>                                                            |                                 | <b>08</b>                       |                                 |
| <b>STT</b>                               | <b>Vị trí lao động</b>                                                  | <b>Cường độ điện trường (V/m)</b>                                               |                                 | <b>Cường độ từ trường (A/m)</b> |                                 |
|                                          |                                                                         | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                                                       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 51                                       | Văn phòng                                                               | 141                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Sơn Giang - Km 69+600 (P) Quốc lộ 29, xã Đức Bình</b>           |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 52                                       | Văn phòng                                                               | 108                                                                             |                                 | 10                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Hai Riêng - Km 83+400 (T) Quốc lộ 29, xã Sông Hinh</b>          |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 53                                       | Văn phòng                                                               | 126                                                                             |                                 | 11                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Sông Hinh - Km 88+240 (P) Quốc lộ 29, xã Sông Hinh</b>          |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 54                                       | Văn phòng                                                               | 130                                                                             |                                 | 12                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Phước An - Km 119+900 (P) Quốc lộ 26, xã Krông Pắc</b>          |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 55                                       | Văn phòng                                                               | 125                                                                             |                                 | 11                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Buôn Hồ - Km 1740+900 (P) đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ</b> |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 56                                       | Văn phòng                                                               | 137                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Đức Bình - Km 116+800 (P) Quốc lộ 19C, xã Đức Bình</b>          |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 57                                       | Văn phòng                                                               | 105                                                                             |                                 | 11                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Krông Pắc - Tổ dân phố 11, xã Krông Pắc</b>                     |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 58                                       | Văn phòng                                                               | 144                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Tân Hưng - Km 133+700 (P) Quốc lộ 26, xã Ea Knuéc</b>           |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 59                                       | Văn phòng                                                               | 132                                                                             |                                 | 12                              |                                 |
|                                          | <b>Tỉnh Khánh Hòa</b>                                                   |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
|                                          | <b>CHXD Khánh Vĩnh - Km 19+900 (P) Quốc lộ 27C, xã Khánh Vĩnh</b>       |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |

| <b>QCVN 25:2016/BYT</b>                  |                                                                         | <b>Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc</b> |                                 |                                 |                                 |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giới hạn cho phép</b>                 |                                                                         | <b>&lt; 5000 (V/m)</b>                                                          |                                 | <b>&lt; 400 (A/m)</b>           |                                 |
| <b>Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)</b> |                                                                         | <b>Không hạn chế</b>                                                            |                                 | <b>08</b>                       |                                 |
| <b>STT</b>                               | <b>Vị trí lao động</b>                                                  | <b>Cường độ điện trường (V/m)</b>                                               |                                 | <b>Cường độ từ trường (A/m)</b> |                                 |
|                                          |                                                                         | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>                                                       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> | <b>Số mẫu đạt TC VSLĐ</b>       | <b>Số mẫu không đạt TC VSLĐ</b> |
| 60                                       | Văn phòng                                                               | 134                                                                             |                                 | 12                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Khánh Lê - Km 33+600 (T) Quốc lộ 27C, xã Nam Khánh Vĩnh</b>     |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 61                                       | Văn phòng                                                               | 110                                                                             |                                 | 10                              |                                 |
|                                          | <b>Tỉnh Gia Lai</b>                                                     |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
|                                          | <b>Văn phòng Chi nhánh Gia Lai - 441B Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa</b> |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 62                                       | Phòng Phó Giám Đốc                                                      | 125                                                                             |                                 | 12                              |                                 |
| 63                                       | Phòng làm việc tầng 1                                                   | 136                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
| 64                                       | Phòng làm việc tầng 2                                                   | 146                                                                             |                                 | 15                              |                                 |
| 65                                       | Phòng Giám Đốc                                                          | 102                                                                             |                                 | 08                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Đập Đá - Khu vực Bả Canh, phường An Nhơn</b>                    |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 66                                       | Văn phòng                                                               | 130                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Hòa Bình - Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Ayun Pa</b>           |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 67                                       | Văn phòng                                                               | 129                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Cheo Reo - 01 Lý Thường Kiệt, phường Ayun Pa</b>                |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 68                                       | Văn phòng                                                               | 133                                                                             |                                 | 11                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD Phú Bổn - Đường Ngô Quyền, phường Ayun Pa</b>                   |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 69                                       | Văn phòng                                                               | 128                                                                             |                                 | 13                              |                                 |
|                                          | <b>CHXD 668 - Km 2+900 (T) ĐT 668, xã Ia Rbol</b>                       |                                                                                 |                                 |                                 |                                 |
| 70                                       | Văn phòng                                                               | 112                                                                             |                                 | 11                              |                                 |

| QCVN 25:2016/BYT                  |                                                                      | Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc |                          |                          |                          |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giới hạn cho phép                 |                                                                      | < 5000 (V/m)                                                             |                          | < 400 (A/m)              |                          |
| Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ) |                                                                      | Không hạn chế                                                            |                          | 08                       |                          |
| STT                               | Vị trí lao động                                                      | Cường độ điện trường (V/m)                                               |                          | Cường độ từ trường (A/m) |                          |
|                                   |                                                                      | Số mẫu đạt TC VSLĐ                                                       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ | Số mẫu đạt TC VSLĐ       | Số mẫu không đạt TC VSLĐ |
|                                   | <b>CHXD Phú Cần - Km 79+100 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Túc</b>           |                                                                          |                          |                          |                          |
| 71                                | Văn phòng                                                            | 134                                                                      |                          | 15                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ia Tul - Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul</b>                      |                                                                          |                          |                          |                          |
| 72                                | Văn phòng                                                            | 133                                                                      |                          | 14                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ia Pa - Km 74+600 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                   |                                                                          |                          |                          |                          |
| 73                                | Văn phòng                                                            | 136                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Ia Mơn - Km 71+300 (P) ĐT 662, xã Ia Pa</b>                  |                                                                          |                          |                          |                          |
| 74                                | Văn phòng                                                            | 112                                                                      |                          | 11                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Pờ Tó - Km 54 (P) ĐT 662, xã Pờ Tó</b>                       |                                                                          |                          |                          |                          |
| 75                                | Văn phòng                                                            | 130                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Phú Thiện - Km 3+600 (P) ĐT 662B, xã Chư A Thai</b>          |                                                                          |                          |                          |                          |
| 76                                | Văn phòng                                                            | 135                                                                      |                          | 12                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Đông Phú Thiện - Km 137 (T) Quốc lộ 25, xã Phú Thiện</b>     |                                                                          |                          |                          |                          |
| 77                                | Văn phòng                                                            | 134                                                                      |                          | 13                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Phú Nhơn - Km 1655+150 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Chư Puh</b> |                                                                          |                          |                          |                          |
| 78                                | Văn phòng                                                            | 147                                                                      |                          | 15                       |                          |
|                                   | <b>CHXD Phú An - Km 1662+700 (P) Đường Hồ Chí Minh, xã Ia Le</b>     |                                                                          |                          |                          |                          |
| 79                                | Văn phòng                                                            | 105                                                                      |                          | 10                       |                          |
| <b>Tổng số</b>                    |                                                                      | <b>79</b>                                                                | <b>00</b>                | <b>79</b>                | <b>00</b>                |

## VI. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ TÂM SINH LÝ VÀ ÉC-GÔ-NÔ-MY

### 1. Kích thước Ecgonomics cơ bản trong vị trí lao động

#### a. Vị trí lao động với máy tính bộ phận văn phòng

| STT      | Chỉ tiêu                                 | Kích thước | Tiêu chuẩn vệ sinh lao động<br>Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT |
|----------|------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Kích thước bàn, ghế, tư thế</b>       |            |                                                               |
|          | Chiều cao bàn (cm)                       | 70         | 65 - 70                                                       |
|          | Chiều cao ghế (cm)                       | 50         | 35 - 50                                                       |
|          | Chiều sâu lòng ghế (cm)                  | 40         | 38 – 43                                                       |
|          | Chiều rộng lòng ghế (cm)                 | 45         | 45                                                            |
|          | Góc khuỷu tay (độ)                       | 90         | 85 – 95                                                       |
|          | Góc người – đùi (độ)                     | 95         | 90 – 120                                                      |
|          | Góc nhìn – dưới đường ngang mắt (độ)     | 25         | 10 - 30                                                       |
|          | Tầm nhìn (cm)                            | 55         | ≥ 50                                                          |
| <b>2</b> | <b>Thời gian làm việc liên tục (giờ)</b> | <b>2</b>   | <b>1 - 2</b>                                                  |

#### b. Chiều cao bề mặt làm việc (thông số 2)

| STT | Vị trí quan trắc | Tư thế | Loại công việc | Chiều cao bề mặt làm việc (cm) | Tiêu chuẩn vệ sinh lao động<br>Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT |
|-----|------------------|--------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|     |                  |        |                |                                | Nam và nữ                                                     |
| 1   | Văn phòng        | Ngồi   | Chính xác      | 70                             | 64 – 77 cm                                                    |
| 2   | Khu vực bán hàng | Đứng   | Trung bình     | 82                             | 78 – 91 cm                                                    |

#### c. Khoảng cách nhìn từ mắt tới vật (thông số 3)

| STT | Vị trí quan trắc | Loại công việc                               | Khoảng cách nhìn (từ mắt tới vật) | Tiêu chuẩn vệ sinh lao động<br>Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT |
|-----|------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                              |                                   | Nam và nữ                                                     |
| 1   | Văn phòng        | Công việc đòi hỏi chính xác và chính xác vừa | 48                                | 35 – 50 cm                                                    |
| 2   | Khu vực bán hàng | Công việc ít đòi hỏi chính xác               | 55                                | Trên 50 cm                                                    |

**Nhận xét:** Các thông số kích thước cơ bản trong ecgonomic đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

| STT              | Yếu tố quan trắc                                   | Tổng số mẫu | Số mẫu đạt  | Số mẫu không đạt |
|------------------|----------------------------------------------------|-------------|-------------|------------------|
| 1                | Nhiệt độ (°C)                                      | 140         | 140         | 00               |
| 2                | Độ ẩm (%)                                          | 140         | 140         | 00               |
| 3                | Tốc độ gió (m/s)                                   | 140         | 140         | 00               |
| 4                | Ánh sáng (Lux)                                     | 140         | 140         | 00               |
| 5                | Tiếng ồn chung (dBA)                               | 140         | 140         | 00               |
|                  | Ồn dải tần (dB)                                    | 70          | 70          | 00               |
| 6                | Rung chuyển (m/s <sup>2</sup> )                    | 63          | 63          | 00               |
| 7                | Bụi toàn phần (mg/m <sup>3</sup> )                 | 140         | 140         | 00               |
| 8                | Hơi khí độc (mg/m <sup>3</sup> )                   |             |             |                  |
|                  | CO <sub>2</sub>                                    | 140         | 140         | 00               |
|                  | CO                                                 | 140         | 140         | 00               |
|                  | VOC                                                | 63          | 63          | 00               |
|                  | Toluen                                             | 63          | 63          | 00               |
| 9                | Điện từ trường                                     | 79          | 79          | 00               |
| 10               | Kích thước Ergonomics cơ bản trong vị trí lao động | 02          | 02          | 00               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                    | <b>1460</b> | <b>1460</b> | <b>00</b>        |

## KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

### 1. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi các đèn chiếu sáng để đảm bảo đủ độ chiếu sáng phục vụ cho các hoạt động giúp làm việc tốt hơn, ngăn ngừa các bệnh về mắt cũng như góp phần phòng ngừa tai nạn thương tích xảy ra.
- Thường xuyên kiểm tra và cải thiện hệ thống hút bụi, khí độc để điều kiện làm việc bên trong xưởng được cải thiện, đảm bảo sức khỏe công nhân làm việc tại đây.
- Định kỳ kiểm tra & bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

### 2. Giải pháp về biện pháp tổ chức lao động

- Tổ chức phân công, bố trí lao động phù hợp theo giới, theo tuổi và theo tình trạng sức khỏe; để tránh trường hợp phải lao động căng thẳng và góp phần phòng ngừa các rủi ro xảy ra tại nạn lao động, cũng như hạn chế bệnh nghề nghiệp phát sinh.

- Đối với những người lao động làm việc ngồi, đứng cố định liên tục cần khuyến khích người lao động sau 2 giờ làm việc liên tục trên máy nên có những khoảng nghỉ ngắn để giảm căng thẳng cơ xương và thị giác.

- Các vị trí tại khu vực làm nặng và độc hại cần chú ý bố trí lao động phù hợp theo tuổi và theo giới, không để phụ nữ và người lớn tuổi làm việc với môi trường hơi khí độc hại.

### 3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

- Khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động theo quy định.

- Duy trì công tác đo kiểm môi trường lao động định kỳ.

- Ngoài ra người lao động cũng nên được khuyến khích uống nước hợp lý để bù nước do quá trình làm việc.

### 4. Các giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCCN).

- Người sử dụng lao động phải tổ chức hướng dẫn người lao động sử dụng thành thạo các phương tiện bảo vệ cá nhân theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải kiểm tra việc sử dụng.

- Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp về công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động để loại trừ hoặc hạn chế tối đa các tác hại của yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, cải thiện điều kiện lao động trước khi thực hiện biện pháp trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân.

- Người lao động được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải sử dụng phương tiện đó theo đúng quy định trong khi làm việc, Nếu người lao động vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật theo nội quy lao động của cơ sở mình hoặc theo quy định của pháp luật.

**Người chịu trách nhiệm chuyên môn**

**Giám đốc đơn vị thực hiện**



**Nguyễn Thị Hoài Thương**



**Nguyễn Khương Duy**